ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 46/2020/TB-LPQT ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu"

(Tiếp theo Công báo số 807 + 808)

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
GIỮA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
LIÊN MINH CHÂU ÂU

PHỤ LỤC 9-A

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA CHƯƠNG MUA SẮM CỦA CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI LIÊN MINH CHÂU ÂU

MỤC A
CƠ QUAN CẤP TRUNG ƯƠNG

Trừ khi được quy định khác trong Phụ lục này, Chương 9 (Mua sắm của Chính phủ) áp dụng với các cơ quan cấp trung ương được liệt kê trong Mục này có các gói thầu với giá trị bằng hoặc cao hơn ngưỡng sau đây:

Hàng hóa nêu tại Mục D (Hàng hóa): 130.000 SDR

Dịch vụ nêu tại Mục E (Dịch vụ): 130.000 SDR

Dịch vụ xây dựng nêu tại Mục F (Dịch vụ xây dựng): 5.000.000 SDR

A. Danh sách các cơ quan trong Liên minh Châu Âu

1. Hội đồng Liên minh Châu Âu

2. Ủy ban Châu Âu

3. Cơ quan Hành động đối ngoại Châu Âu (EEAS)

B. Danh sách các cơ quan trung ương của các quốc gia thành viên Liên minh

BỈ

1. Services publics fédéraux:	1. Federale Overheidsdiensten:
SPF Chancellerie du Premier Ministre;	1. FOD Kanselarij van de Eerste Minister;
2. SPF Personnel et Organisation;	3. FOD Kanselarij Personeel en Organisatie;
4. SPF Budget et Contrôle de la Gestion;	5. FOD Budget en Beheerscontrole;
6. SPF Technologie de l'Information et de la Communication (Fedict);	7. FOD Informatie- en Communicatietechnologie (Fedict);
8. SPF Affaires étrangères, Commerce extérieur et Coopération au Développement;	9. FOD Buitenlandse Zaken, Buitenlandse Handel en Ontwikkelingssamenwerking;

10. SPF Intérieur;

11. FOD Binnenlandse Zaken;

12. SPF Finances;

13. FOD Financiën;

14. SPF Mobilité et Transports;

15. FOD Mobiliteit en Vervoer;

16. SPF Emploi, Travail et Concertation sociale;

17. FOD Werkgelegenheid, Arbeid en sociaal overleg;

18. SPF Sécurité Sociale et Institutions publiques de Sécurité Sociale;

19. FOD Sociale Zekerheid en Openbare Instellingen van sociale Zekerheid;

20. SPF Santé publique, Sécurité de la Chaîne alimentaire et Environnement;

21. FOD Volksgezondheid, Veiligheid van de Voedselketen en Leefmilieu;

22. SPF Justice;

23. FOD Justitie;

24. SPF Economie, PME, Classes moyennes et Energie;

25. FOD Economie, KMO, Middenstand en Energie;

26. Ministère de la Défense;

27. Ministerie van Landsverdediging;

28. Service public de programmation Intégration sociale, Lutte contre la pauvreté Et Economie sociale;

29. Programmatorische Overheidsdienst Maatschappelijke Integratie, Armoedsbestrijding en sociale Economie;

30. Service public fédéral de Programmation Développement durable;

31. Programmatorische federale Overheidsdienst Duurzame Ontwikkeling;

32. Service public fédéral de Programmation Politique scientifique;

33. Programmatorische federale Overheidsdienst Wetenschapsbeleid;

34. 2. Régie des Bâtiments:

35. 2. Regie der Gebouwen:

36. Office national de Sécurité sociale;

37. Rijksdienst voor sociale Zekerheid;

38. Institut national d'Assurance sociales Pour travailleurs indépendants;

39. Rijksinstituut voor de sociale Verzekeringen der Zelfstandigen;

40. Institut national d'Assurance Maladie-Invalidité;

41. Rijksinstituut voor Ziekte- en Invaliditeitsverzekering;

42. Office national des Pensions;

43. Rijksdienst voor Pensioenen;

44. Caisse auxiliaire d'Assurance Maladie-Invalidité;

45. Hulpkas voor Ziekte-en Invaliditeitsverzekering;

46. Fond des Maladies professionnelles;

47. Fonds voor Beroepsziekten;

48. Office national de l'Emploi;

49. Rijksdienst voor Arbeidsvoorziening

50. La Poste[1]

51. De Post[1]

BUN-GA-RI

1. Администрация на Народнотосъбрание (Văn phòng Quốc hội)

2. Администрация на Президента (Văn phòng Tổng thống)

3. Администрация на Министерския съвет (Văn phòng Hội đồng bộ trưởng)

4. Конституционен съд (Tòa án Hiến pháp)

5. Българска народна банка (Ngân hàng Nhà nước Bun-ga-ri)

6. Министерство на външните работи (Bộ Ngoại giao)

7. Министерство на вътрешните работи (Bộ Nội vụ)

8. Министерство на извънредните ситуации (Bộ Tình trạng khẩn cấp)

9. Министерство на държавната администрация и административната реформа (Bộ Quản lý Hành chính và Cải cách Hành chính Quốc gia)

10 Министерство на земеделието и храните (Bộ Nông nghiệp và Lương thực)

11. Министерство на здравеопазването (Bộ Y tế)

12. Министерство на икономиката и енергетиката (Bộ Kinh tế và Năng lượng)

[1] Các hoạt động bưu chính như quy định trong Bộ luật ngày 24 tháng 12 năm 1993.

13. Министерство на културата (Bộ Văn hóa)

14. Министерство на образованието и науката (Bộ Giáo dục và Khoa học)

15. Министерство на околната среда и водите (Bộ Môi trường và Nước)

16. Министерство на отбраната (Bộ Quốc phòng)

17. Министерство на правосъдието (Bộ Tư pháp)

18. Министерство на регионалното развитие и благоустройството (Bộ Phát triển Khu vực và Công trình Công cộng)

19. Министерство на транспорта (Bộ Giao thông)

20. Министерство на труда и социалната политика (Bộ Lao động và Chính sách Xã hội)

21. Министерство на финансите (Bộ Tài chính)

22. държавни агенции, държавни комисии, изпълнителни агенции и други държавни институции, създадени със закон или с постановление на Министерския съвет, които имат функции във връзка с осъществяването на изпълнителната власт (các cơ quan nhà nước, Ủy ban nhà nước, các cơ quan hành pháp và các đại diện nhà nước khác được thành lập bởi Luật hoặc bởi Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng để thực hiện các chức năng liên quan đến việc thực thi quyền hành pháp)

23. Агенция за ядрено регулиране (Cơ quan Điều tiết Hạt nhân)

24. Държавна комисия за енергийно и водно регулиране (Ủy ban Điều tiết Nước sạch và Năng lượng Quốc gia)

25. Държавна комисия по сигурността на информацията (Ủy ban Nhà nước về An ninh Thông tin)

26. Комисия за защита на конкуренцията (Ủy ban Bảo vệ Cạnh tranh)

27. Комисия за защита на личните данни (Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân)

28. Комисия за защита от дискриминация (Ủy ban Bảo vệ chống Phân biệt Đối xử)

29. Комисия за регулиране на съобщенията (Ủy ban Điều hành Truyền thông)

30. Комисия за финансов надзор (Ủy ban Giám sát Tài chính)

31. Патентно ведомство на Република България (Cơ quan Cấp bằng sáng chế Cộng hòa Bun-ga-ri)

32. Сметна палата на Република България (Văn phòng Kiểm toán nhà nước của Cộng hòa Bun-ga-ri)

33. Агенция за приватизация (Cơ quan Tư nhân hóa)

34. Агенция за следприватизационен контрол (Cơ quan Kiểm soát sau khi tư nhân hóa)

35. Български институт по метрология (Viện Đo lường Bun-ga-ri)

36. Държавна агенция "Архиви" (Cơ quan Lưu trữ nhà nước)

37. Държавна агенция "Държавен резерв и военновременни запаси" (Cơ quan Nhà nước về Cổ phiếu dự trữ và Cổ phiếu trong thời gian chiến tranh)

38. Държавна агенция за бежанците (Cơ quan Nhà nước về người tị nạn)

39. Държавна агенция за българите в чужбина (Cơ quan Nhà nước cho kiều bào Bun-ga-ri)

40. Държавна агенция за закрила на детето (Cơ quan Nhà nước về bảo vệ trẻ em)

41. Държавна агенция за информационни технологии и съобщения (Cơ quan Nhà nước về Công nghệ Thông tin và Truyền thông)

42. Държавна агенция за метрологичен и технически надзор (Cơ quan Nhà nước về Giám sát kỹ thuật và Đo lường)

43. Държавна агенция за младежта и спорта (Cơ quan Nhà nước về Thanh niên và Thể thao)

44. Държавна агенция по туризма (Cơ quan Nhà nước về Du lịch)

45. Държавна комисия по стоковите борси и тържища (Ủy ban Nhà nước về Trao đổi hàng hóa và Thị trường)

46. Институт по публична администрация и европейска интеграция (Viện Quản lý hành chính và Hội nhập Châu Âu)

47. Национален статистически институт (Viện Thống kê Quốc gia)

48. Агенция “Митници” (Cơ quan Hải quan)

49. Агенция за държавна и финансова инспекция (Cơ quan Kiểm tra tài chính công)

50. Агенция за държавни вземания (Cơ quan Truy thu Nhà nước)

51. Агенция за социално подпомагане (Cơ quan Hỗ trợ xã hội)

52. Държавна агенция “Национална сигурност” (Cơ quan nhà nước về An ninh quốc gia)

53. Агенция за хората с увреждания (Cơ quan về Người khuyết tật)

54. Агенция по вписванията (Cơ quan Đăng kiểm)

55. Агенция по енергийна ефективност (Cơ quan Tiết kiệm năng lượng)

56. Агенция по заетостта (Cơ quan Giới thiệu việc làm)

57. Агенция по геодезия, картография и кадастър (Cơ quan Địa lý, Bản đồ và Địa chính)

58. Агенция по обществени поръчки (Cơ quan Mua sắm công)

59. Българска агенция за инвестиции (Cơ quan Đầu tư Bun-ga-ri)

60. Главна дирекция “Гражданска въздухоплавателна администрация” (Tổng cục Hàng không dân dụng)

61. Дирекция за национален строителен контрол (Cục Giám sát xây dựng Quốc gia)

62. Държавна комисия по хазарта (Ủy ban nhà nước về đánh bạc)

63. Изпълнителна агенция “Автомобилна администрация” (Cơ quan Điều hành về “Quản lý ô tô”)

64. Изпълнителна агенция “Борба с градушките” (Cơ quan Điều hành về Khí tượng thủy văn)

65. Изпълнителна агенция “Българска служба за акредитация” (Cơ quan Điều hành về “Chứng nhận đạt chuẩn Bun-ga-ri”)

66. Изпълнителна агенция “Главна инспекция по труда” (Cơ quan điều hành “Tổng thanh tra lao động”)

67. Изпълнителна агенция “Железопътна администрация” (Cơ quan điều hành “Quản lý đường sắt”)

68. Изпълнителна агенция “Морска администрация” (Cơ quan điều hành “Quản lý hàng hải”)

69. Изпълнителна агенция “Национален филмов център” (Cơ quan Điều hành “Trung tâm Điện ảnh Quốc gia”)

70. Изпълнителна агенция "Пристанищна администрация" (Cơ quan Điều hành “Quản lý cảng”)

71. Изпълнителна агенция “Проучване и поддържане на река Дунав” (Cơ quan điều hành “Thăm dò và bảo trì sông Danube”)

72. Фонд "Републиканска пътна инфраструктура" (Quỹ Cơ sở hạ tầng Quốc gia)

73. Изпълнителна агенция за икономически анализи и прогнози (Cơ quan điều hành về dự báo và phân tích kinh tế)

74. Изпълнителна агенция за насърчаване на малките и средни предприятия (Cơ quan điều hành hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa)

75. Изпълнителна агенция по лекарствата (Cơ quan điều hành về dược phẩm)

76. Изпълнителна агенция по лозата и виното (Cơ quan điều hành về rượu và rượu vang)

77. Изпълнителна агенция по околна среда (Cơ quan điều hành về môi trường)

78. Изпълнителна агенция по почвените ресурси (Cơ quan điều hành về tài nguyên đất)

79. Изпълнителна агенция по рибарство и аквакултури (Cơ quan điều hành về thủy sản và nuôi trồng thủy sản)

80. Изпълнителна агенция по селекция и репродукция в животновъдството (Cơ quan điều hành về chọn giống và sinh sản trong chăn nuôi)

81. Изпълнителна агенция по сортоизпитване, апробация и семеконтрол (Cơ quan điều hành về thử nghiệm giống cây trồng, kiểm tra thực địa và kiểm soát hạt giống)

82. Изпълнителна агенция по трансплантация (Cơ quan điều hành về cấy ghép)

83. Изпълнителна агенция по хидромелиорации (Cơ quan điều hành về thủy lợi)

84. Комисията за защита на потребителите (Ủy ban Bảo vệ người tiêu dùng)

85. Контролно-техническата инспекция (Thanh tra Kiểm tra kỹ thuật)

86. Национална агенция за приходите (Cơ quan Ngân khố Quốc gia)

87. Национална ветеринарномедицинска служба (Sở Thú y Quốc gia)

88. Национална служба за растителна защита (Sở Bảo vệ Thực vật Quốc gia)

89. Национална служба по зърното и фуражите (Sở Lương thực và Thực phẩm Quốc gia)

90. Държавна агенция по горите (Cơ quan Lâm nghiệp Nhà nước)

91. Национална комисия за борба с трафика на хора (Ủy ban Chống buôn lậu Bun-ga-ri)

92. Национален център за информация и документация (Trung tâm Thông tin và tài liệu Quốc gia)

93. Национален център по радиобиология и радиационна защита (Trung tâm Quốc gia về Bảo vệ bức xạ và phóng xạ)

94. Национална служба за съвети в земеделието (Sở Tư vấn nông nghiệp Quốc gia)

SÉC

1. Ministerstvo dopravy (Bộ Giao thông)

2. Ministerstvo financí (Bộ Tài chính)

3. Ministerstvo kultury (Bộ Văn hóa)

4. Ministerstvo obrany (Bộ Quốc phòng)

5. Ministerstvo pro místní rozvoj (Bộ Phát triển khu vực)

6. Ministerstvo práce a sociálních věcí (Bộ Lao động và Xã hội)

7. Ministerstvo průmyslu a obchodu (Bộ Công thương)

8. Ministerstvo spravedlnosti (Bộ Tư pháp)

9. Ministerstvo školství, mládeže a tělovýchovy (Bộ Giáo dục, Thanh niên và Thể thao)

10. Ministerstvo vnitra (Bộ Nội vụ)

11. Ministerstvo zahraničních věcí (Bộ Ngoại giao)

12. Ministerstvo zdravotnictví (Bộ Y tế)

13. Ministerstvo zemědělství (Bộ Nông nghiệp)

14. Ministerstvo životního prostředí (Bộ Môi trường)

15. Poslanecká sněmovna PČR (Hạ nghị viện Quốc hội Séc)

16. Senát PČR (Thượng nghị viện Quốc hội Séc)

17. Kancelář prezidenta (Văn phòng Chủ tịch nước)

18. Český statistický úřad (Văn phòng Thống kê Séc)

19. Český úřad zeměměřičský a katastrální (Văn phòng Đo đạc, Lập bản đồ và Địa chính Séc)

20. Úřad průmyslového vlastnictví (Văn phòng Sở hữu công nghiệp)

21. Úřad pro ochranu osobních údajů (Văn phòng Bảo vệ dữ liệu cá nhân)

22. Bezpečnostní informační služba (Cơ quan Thông tin bảo mật)

23. Národní bezpečnostní úřad (Cơ quan An ninh Quốc gia)

24. Česká akademie věd (Học viện Khoa học Séc)

25. Vězeňská služba (Cơ quan Quản lý trại giam)

26. Český báňský úřad (Cơ quan Khai thác mỏ Séc)

27. Úřad pro ochranu hospodářské soutěže (Văn phòng Bảo vệ Cạnh tranh)

28. Správa státních hmotných rezerv (Cục Dự trữ Nguyên vật liệu Quốc gia)

29. Státní úřad pro jadernou bezpečnost (Văn phòng Quốc gia về An toàn hạt nhân)

30. Energetický regulační úřad (Văn phòng Điều tiết năng lượng)

31. Úřad vlády České republiky (Văn phòng Chính phủ Séc)

32. Ústavní soud (Tòa án Hiến pháp)

33. Nejvyšší soud (Tòa án Tối cao)

34. Nejvyšší správní soud (Tòa án Hành chính Tối cao)

35. Nejvyšší státní zastupitelství (Văn phòng Công tố Tối cao)

36. Nejvyšší kontrolní úřad (Văn phòng Kiểm toán Tối cao)

37. Kancelář Veřejného ochránce práv (Văn phòng Bảo vệ quyền công cộng)

38. Grantová agentura České republiky (Cơ quan Cấp vốn Séc)

39. Státní úřad inspekce práce (Văn phòng Thanh tra lao động Nhà nước)

40. Český telekomunikační úřad (Văn phòng Viễn thông Séc)

41. Ředitelství silnic a dálnic ČR (ŘSD) (Cục Đường bộ và đường cao tốc Séc)

ĐAN MẠCH

1. Folketinget - The Danish Parliament Rigsrevisionen - Văn phòng Kiểm toán Quốc gia

2. Statsministeriet - Văn phòng Thủ tướng Chính phủ

3. Udenrigsministeriet - Bộ Ngoại giao

4. Beskæftigelsesministeriet - Bộ Giới thiệu việc làm

5 styrelser og institutioner - 5 cục và viện

5. Domstolsstyrelsen - Tòa án

6. Finansministeriet - Bộ Tài chính

5 styrelser og institutioner - 5 cục và viện

7. Forsvarsministeriet - Bộ Quốc phòng

5 styrelser og institutioner - 5 cục và viện

8. Ministeriet for Sundhed og Forebyggelse - Bộ Nội vụ và Y tế

Adskillige styrelser og institutioner, herunder Statens Serum Institut - Một số cục và viện, bao gồm cả Statens Serum Institut

9. Justitsministeriet - Bộ Tư pháp

Rigspolitichefen, anklagemyndigheden samt 1 direktorat og et antal styrelser - Cảnh sát trưởng, 1 tổng Cục và 1 số cục

10. Kirkeministeriet - Bộ Giáo hội

10 stiftsøvrigheder - 10 quản lý giáo khu

11. Kulturministeriet - Bộ Văn hóa

4 styrelser samt et antal statsinstitutioner - 1 vụ và một số viện

12. Miljøministeriet - Bộ Môi trường

5 styrelser - 5 cục

13. Ministeriet for Flygtninge, Invandrere og Integration - Bộ Tị nạn, Nhập cư và các vấn đề hội nhập

1 styrelse - 1 Cục

14. Ministeriet for Fødevarer, Landbrug og Fiskeri - Bộ Lương thực, Nông nghiệp và Thủy sản

4 direktorater og institutioner - 4 Tổng cục và Viện

15. Ministeriet for Videnskab, Teknologi og Udvikling - Bộ Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Adskillige styrelser og institutioner, Forskningscenter Risø og Statens uddannelsesbygninger - Một số Cục và Viện, bao gồm Phòng thí nghiệm Quốc gia Risoe và Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục Quốc gia Đan Mạch

16. Skatteministeriet - Bộ Thuế

1 styrelse og institutioner - 1 cục và một số viện

17. Velfærdsministeriet - Bộ Phúc lợi

3 styrelser og institutioner - 3 Cục và một số Viện

18. Transportministeriet - Bộ Giao thông

7 styrelser og institutioner, herunder Øresundsbrokonsortiet - 7 cục và viện, bao gồm Øresundsbrokonsortiet

19. Undervisningsministeriet - Bộ Giáo dục

3 styrelser, 4 undervisningsinstitutioner og 5 andre institutioner - 3 cục, 4 cơ sở giáo dục và 5 viện khác

20. Økonomi- og Erhvervsministeriet - Bộ Kinh tế và Kinh doanh

Adskillige styrelser og institutioner - một số cục và viện

21. Klima- og Energiministeriet - Bộ Khí hậu và năng lượng

3 styrelser og institutioner - 3 cục và viện

ĐỨC

1.	Văn phòng Ngoại giao Liên bang	Auswärtiges Amt
	52. Văn phòng Thủ tướng Liên bang	53. Bundeskanzleramt
54.	55. Bộ Lao động và xã hội Liên bang	56. Bundesministerium für Arbeit und Soziales
57.	58. Bộ Giáo dục và nghiên cứu Liên bang	59. Bundesministerium für Bildung und Forschung

60.	61. Bộ Lương thực, Nông nghiệp và Bảo vệ người tiêu dùng Liên bang	62. Bundesministerium für Ernährung, Landwirtschaft und Verbraucherschutz
63.	64. Bộ Tài chính Liên bang	65. Bundesministerium der Finanzen
66.	67. Bộ Nội vụ Liên bang (chỉ hàng hóa dân dụng)	68. Bundesministerium des Innern
69.	70. Bộ Y tế Liên bang	71. Bundesministerium für Gesundheit
72.	73. Bộ Gia đình, Người cao tuổi, Phụ nữ và Thanh niên Liên bang	74. Bundesministerium für Familie, Senioren, Frauen und Jugend
75.	76. Bộ Tư pháp Liên bang	77. Bundesministerium der Justiz
78.	79. Bộ Giao thông, Xây dựng và Vấn đề đô thị Liên bang	80. Bundesministerium für Verkehr, Bau und Stadtentwicklung
81.	82. Bộ Kinh tế và Công nghệ Liên bang	83. Bundesministerium für Wirtschaft und Technologie
84.	85. Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang	86. Bundesministerium für wirtschaftliche Zusammenarbeit und Entwicklung
87.	88. Bộ Quốc phòng Liên bang	89. Bundesministerium der Verteidigung
90.	91. Bộ Môi trường, Bảo tồn Thiên nhiên và An toàn Lò phản ứng Liên bang	92. Bundesministerium für Umwelt, Naturschutz und Reaktorsicherheit

ÉT-XTÔ-NI-A

1. Vabariigi Presidendi Kantselei (Văn phòng Tổng thống Cộng hòa Ét-xtô-ni-a)
2. Eesti Vabariigi Riigikogu (Quốc hội Cộng hòa Ét-xtô-ni-a)
3. Eesti Vabariigi Riigikohus (Tòa án Tối cao Cộng hòa Ét-xtô-ni-a)
4. Riigikontroll (Văn phòng Kiểm toán Nhà nước Cộng hòa Ét-xtô-ni-a)
5. Õiguskantsler (Thủ tướng pháp lý)
6. Riigikantselei (Văn phòng Thủ tướng)
7. Rahvusarhiiv (Cơ quan Lưu trữ Quốc gia Ét-xtô-ni-a)
8. Haridus- ja Teadusministeerium (Bộ Nghiên cứu và Giáo dục)
9. Justiitsministeerium (Bộ Tư pháp)
10. Kaitseministeerium (Bộ Quốc phòng)
11. Keskkonnaministeerium (Bộ Môi trường)
12. Kultuuriministeerium (Bộ Văn hóa)
13. Majandus- ja Kommunikatsiooniministeerium (Bộ Kinh tế và Truyền thông)
14. Põllumajandusministeerium (Bộ Nông nghiệp)
15. Rahandusministeerium (Bộ Tài chính)
16. Siseministeerium (Bộ Nội vụ)
17. Sotsiaalministeerium (Bộ Xã hội)
18. Välisministeerium (Bộ Ngoại giao)
19. Keeleinspektsioon (Thanh tra Ngôn ngữ)
20. Riigiprokuratuur (Văn phòng Công tố viên)
21. Teabeamet (Ban Thông tin)
22. Maa-amet (Cơ quan Đất đai Ét-xtô-ni-a)
23. Keskkonnainspektsioon (Thanh tra Môi trường)
24. Metsakaitse- ja Metsauuenduskeskus (Trung tâm Bảo vệ Rừng và Lâm sinh)
25. Muinsuskaitseamet (Ban Di sản)
26. Patendiamet (Văn phòng Cấp Bằng sáng chế)
27. Tehnilise Järelevalve Amet (Cơ quan Giám sát Kỹ thuật Ét-xtô-ni-a)
28. Tarbijakaitseamet (Ban Bảo vệ người tiêu dùng)

29. Riigihangete Amet (Văn phòng Đấu thầu)

30. Taimetoodangu Inspektsioon (Thanh tra sản xuất cây trồng)

31. Põllumajanduse Registrite ja Informatsiooni Amet (Ban Thông tin và Đăng ký nông nghiệp)

32. Veterinaar- ja Toiduamet (Ban Lương thực và Thú y)

33. Konkurentsiamet (Cục Cạnh tranh Ét-xtô-ni-a)

34. Maksu - ja Tolliamet (Ban Thuế và Hải quan)

35. Statistikaamet (Thống kê Ét-xtô-ni-a)

36. Kaitsepolitseiamet (Hội đồng Cảnh sát An ninh)

37. Kodakondsus- ja Migratsiooniamet (Ủy ban Công dân và di trú)

38. Piirivalveamet (Ủy ban Quốc gia về Bảo vệ biên giới)

39. Politseiamet (Ủy ban Cảnh sát Quốc gia)

40. Eesti Kohtuekspertiisi ja Instituut (Trung tâm Dịch vụ pháp lý)

41. Keskkriminaalpolitsei (Cảnh sát Hình sự Trung ương)

42. Päästeamet (Ban Cứu hộ)

43. Andmekaitse Inspektsioon (Thanh tra Bảo vệ dữ liệu Ét-xtô-ni-a)

44. Ravimiamet (Cơ quan nhà nước về dược phẩm)

45. Sotsiaalkindlustusamet (Ủy ban bảo hiểm xã hội)

46. Tööturuamet (Ủy ban Thị trường lao động)

47. Tervishoiuamet (Ủy ban chăm sóc sức khỏe)

48. Tervisekaitseinspektsioon (Thanh tra bảo vệ sức khỏe)

49. Tööinspektsioon (Thanh tra lao động)

50. Lennuamet (Cục Hàng không dân dụng Ét-xtô-ni-a)

51. Maanteeamet (Cục Đường bộ Ét-xtô-ni-a)

52. Veeteede Amet (Cục Hàng hải)

53. Julgestuspolitsei (Cảnh sát thực thi pháp luật trung ương)

54. Kaitseressursside Amet (Cơ quan tài nguyên quốc phòng)

55. Kaitseväe Logistikakeskus (Trung tâm hậu cần của lực lượng quốc phòng)

AI-LEN

1. President's Establishment - Phủ Tổng thống

2. Houses of the Oireachtas - [Parliament] - Quốc hội

3. Department of the Taoiseach - [Prime Minister] - Phủ Thủ tướng

4. Central Statistics Office - Văn phòng Thống kê Trung ương

5. Department of Finance - Bộ Tài chính

6. Office of the Comptroller and Auditor General - Văn phòng Tổng kiểm soát và kiểm toán

7. Office of the Revenue Commissioners - Văn phòng Cơ quan Thuế vụ

8. Office of Public Works - Văn phòng Công trình công cộng

9. State Laboratory - Phòng thí nghiệm quốc gia

10. Office of the Attorney General - Văn phòng Bộ trưởng Tư pháp

11. Office of the Director of Public Prosecutions - Văn phòng Giám đốc công tố

12. Valuation Office - Văn phòng định giá

13. Commission for Public Service Appointments - Ủy ban tuyển dụng Nhà nước

14. Office of the Ombudsman - Văn phòng Kiểm tra

15. Chief State Solicitor's Office - Văn phòng Chánh luật sư nhà nước

16. Department of Justice, Equality and Law Reform - Bộ Tư pháp, Bình đẳng và Cải cách luật

17. Courts Service - Tòa án

18. Prisons Service - Nhà tù

19. Office of the Commissioners of Charitable Donations and Bequests - Văn phòng Ủy viên về từ thiện

20. Department of the Environment, Heritage and Local Government - Bộ Môi trường, Di sản và Chính quyền địa phương

21. Department of Education and Science - Bộ Giáo dục và Khoa học

22. Department of Communications, Energy and Natural Resources - Bộ Truyền thông, Năng lượng và Tài nguyên Thiên nhiên

23. Department of Agriculture, Fisheries and Food - Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lương thực

24. Department of Transport - Bộ Giao thông

25. Department of Health and Children - Bộ Y tế và Trẻ em

26. Department of Enterprise, Trade and Employment - Bộ Doanh nghiệp, Thương mại và Việc làm

27. Department of Arts, Sports and Tourism - Bộ Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch

28. Department of Defence - Bộ Quốc phòng

29. Department of Foreign Affairs - Bộ Ngoại giao

30. Department of Social and Family Affairs - Bộ Gia đình và Xã hội

31. Department of Community, Rural and Gaeltacht - [Gaelic speaking regions] Affairs - Bộ Cộng đồng, Nông thôn và những Khu vực nói tiếng Gaelic

32. Arts Council - Hội đồng nghệ thuật

33. National Gallery - Phòng trưng bày quốc gia

HY LẠP

1. ΥπουργείοΕσωτερικών (Bộ Nội vụ)

2. Υπουργείο Εξωτερικών (Bộ Ngoại giao)

3. Υπουργείο Οικονομίας και Οικονομικών (Bộ Kinh tế và Tài chính)

4. Υπουργείο Ανάπτυξης (Bộ Phát triển)

5. Υπουργείο Δικαιοσύνης (Bộ Tư pháp)

6. Υπουργείο Εθνικής Παιδείας και Θρησκευμάτων (Bộ Giáo dục và Tôn giáo)

7. Υπουργείο Πολιτισμού (Bộ Văn hóa)

8. Υπουργείο Υγείας και Κοινωνικής Αλληλεγγύης (Bộ Y tế và Đoàn kết Xã hội)

9. Υπουργείο Περιβάλλοντος, Χωροταξίας και Δημοσίων Έργων (Bộ Môi trường, Quy hoạch Xây dựng và Công trình Công cộng)

10. Υπουργείο Απασχόλησης και Κοινωνικής Προστασίας (Bộ Việc làm và Bảo vệ Xã hội)

11. Υπουργείο Μεταφορών και Επικοινωνιών (Bộ Giao thông Vận tải và Truyền thông)

12. Υπουργείο Αγροτικής Ανάπτυξης και Τροφίμων (Bộ Phát triển Nông thôn và Lương thực)

13. Υπουργείο Εμπορικής Ναυτιλίας, Αιγαίου και Νησιωτικής Πολιτικής (Bộ Thương mại Hàng hải, biển Ê giê và Chính sách đảo)

14. Υπουργείο Μακεδονίας- Θράκης (Bộ Macedonia và Thrace)

15. Γενική Γραμματεία Επικοινωνίας (Văn phòng Tổng thư ký về Truyền thông)

16. Γενική Γραμματεία Ενημέρωσης (Văn phòng Tổng thư ký về Thông tin)

17. Γενική Γραμματεία Νέας Γενιάς (Văn phòng Tổng thư ký về Thanh Niên)

18. Γενική Γραμματεία Ισότητας (Văn phòng Tổng thư ký về Bình đẳng)

19. Γενική Γραμματεία Κοινωνικών Ασφαλίσεων (Văn phòng Tổng thư ký về Bảo hiểm xã hội)

20. Γενική Γραμματεία Απόδημου Ελληνισμού (Văn phòng Tổng thư ký cho Kiều bào Hy Lạp)

21. Γενική Γραμματεία Βιομηχανίας (Văn phòng Tổng thư ký về Công nghiệp)

22. Γενική Γραμματεία Έρευνας και Τεχνολογίας (Văn phòng Tổng thư ký về Nghiên cứu và Công nghệ)

23. Γενική Γραμματεία Αθλητισμού (Văn phòng Tổng thư ký về Thể thao)

24. Γενική Γραμματεία Δημοσίων Έργων (Văn phòng Tổng thư ký về Công trình Công cộng)

25. Γενική Γραμματεία Εθνικής Στατιστικής Υπηρεσίας Ελλάδος (Cơ quan Thống kê quốc gia)

26. Εθνικό Συμβούλιο Κοινωνικής Φροντίδας (Hội đồng Phúc lợi Quốc gia)

27. Οργανισμός Εργατικής Κατοικίας (Tổ chức về Nhà ở của Người lao động)

28. Εθνικό Τυπογραφείο (Cơ quan In ấn Quốc gia)

29. Γενικό Χημείο του Κράτους (Phòng thí nghiệm nhà nước)

30. Ταμείο Εθνικής Οδοποιίας (Quỹ Đường cao tốc Hy Lạp)

31. Εθνικό Καποδιστριακό Πανεπιστήμιο Αθηνών (Trường đại học Athens)

32. Αριστοτέλειο Πανεπιστήμιο Θεσσαλονίκης (Trường đại học Thessaloniki)

33. Δημοκρίτειο Πανεπιστήμιο Θράκης (Trường đại học Thrace)

34. Πανεπιστήμιο Αιγαίου (Trường đại học Aegean)

35. Πανεπιστήμιο Ιωαννίνων (Trường đại học Ioannina)

36. Πανεπιστήμιο Πατρών (Trường đại học Patras)

37. Πανεπιστήμιο Μακεδονίας (Trường đại học Macedonia)

38. Πολυτεχνείο Κρήτης (Trường Bách khoa Crete)

39. Σιβιτανίδειος Δημόσια Σχολή Τεχνών και Επαγγελμάτων (Trường kỹ thuật Sivitanidios)

40. Αιγινήτειο Νοσοκομείο (Bệnh viện Eginitio)

41. Αρεταίειο Νοσοκομείο (Bệnh viện Areteio)

42. Εθνικό Κέντρο Δημόσιας Διοίκησης (Trung tâm hành chính quốc gia)

43. Οργανισμός Διαχείρισης Δημοσίου Υλικού (Tổ chức Quản lý Vật liệu công A.E)

44. Οργανισμός Γεωργικών Ασφαλίσεων (Tổ chức Bảo hiểm Nông dân)

45. Οργανισμός Σχολικών Κτιρίων (Tổ chức Xây dựng Trường học)

46. Γενικό Επιτελείο Στρατού (Bộ Tổng tham mưu Quân đội)

47. Γενικό Επιτελείο Ναυτικού (Bộ Tổng tham mưu Hải quân)

48. Γενικό Επιτελείο Αεροπορίας (Bộ Tổng tham mưu Lực lượng Không quân)

49. Ελληνική Επιτροπή Ατομικής Ενέργειας (Ủy ban Năng lượng Hạt nhân Hy lạp)

50. Γενική Γραμματεία Εκπαίδευσης Ενηλίκων (Văn phòng Tổng thư ký cho Giáo dục sau đại học)

51. Γενική Γραμματεία Εμπορίου (Văn phòng Tổng thư ký về Thương mại)

52. Ελληνικά Ταχυδρομεία Hellenic Post (EL. TA)

TÂY BAN NHA

Presidencia de Gobierno

Ministerio de Asuntos Exteriores y de Cooperación

Ministerio de Justicia

Ministerio de Defensa

Ministerio de Economía y Hacienda

Ministerio del Interior

Ministerio de Fomento

Ministerio de Educación y Ciencia

Ministerio de Industria, Turismo y Comercio

Ministerio de Trabajo y Asuntos Sociales

Ministerio de Agricultura, Pesca y Alimentación

Ministerio de la Presidencia

Ministerio de Administraciones Públicas

Ministerio de Cultura

Ministerio de Sanidad y Consumo

Ministerio de Medio Ambiente

Ministerio de Vivienda

PHÁP

1. Ministères

Services du Premier ministre

Ministère chargé de la santé, de la jeunesse et des sports

Ministère chargé de l'intérieur, de l'outre-mer et des collectivités territoriales

Ministère chargé de la justice

Ministère chargé de la défense

Ministère chargé des affaires étrangères et européennes

Ministère chargé de l'éducation nationale

Ministère chargé de l'économie, des finances et de l'emploi

Secrétariat d'Etat aux transports

Secrétariat d'Etat aux entreprises et au commerce extérieur

Ministère chargé du travail, des relations sociales et de la solidarité

Ministère chargé de la culture et de la communication

Ministère chargé du budget, des comptes publics et de la fonction publique

Ministère chargé de l'agriculture et de la pêche

Ministère chargé de l'enseignement supérieur et de la recherche

Ministère chargé de l'écologie, du développement et de l'aménagement durables

Secrétariat d'Etat à la fonction publique

Ministère chargé du logement et de la ville

Secrétariat d'Etat à la coopération et à la francophonie

Secrétariat d'Etat à l'outre-mer

Secrétariat d'Etat à la jeunesse et aux sports et de la vie associative

Secrétariat d'Etat aux anciens combattants

Ministère chargé de l'immigration, de l'intégration, de l'identité nationale et du co-développement

Secrétariat d'Etat en charge de la prospective et de l'évaluation des politiques publiques

Secrétariat d'Etat aux affaires européennes

Secrétariat d'Etat aux affaires étrangères et aux droits de l'homme

Secrétariat d'Etat à la consommation et au tourisme

Secrétariat d'Etat à la politique de la ville

Secrétariat d'Etat à la solidarité

Secrétariat d'Etat en charge de l'emploi

Secrétariat d'Etat en charge du commerce, de l'artisanat, des PME, du tourisme et des services

Secrétariat d'Etat en charge du développement de la région-capitale

Secrétariat d'Etat en charge de l'aménagement du territoire

2. Etablissements publics nationaux

Académie de France à Rome

Académie de marine

Académie des sciences d'outre-mer

Agence Centrale des Organismes de Sécurité Sociale (A.C.O.S.S.)

Agences de l'eau

Agence Nationale de l'Accueil des Etrangers et des migrations

Agence nationale pour l'amélioration des conditions de travail (ANACT)

Agence nationale pour l'amélioration de l'habitat (ANAH)

Agence Nationale pour la Cohésion Sociale et l'Egalité des Chances

Agence nationale pour l'indemnisation des français d'outre-mer (ANIFOM)

Assemblée permanente des chambres d'agriculture (APCA)

Bibliothèque nationale de France

Bibliothèque nationale et universitaire de Strasbourg

Caisse des Dépôts et Consignations

Caisse nationale des autoroutes (CNA)

Caisse nationale militaire de sécurité sociale (CNMSS)

Caisse de garantie du logement locatif social

Casa de Velasquez

Centre d'enseignement zootechnique

Centre hospitalier national des Quinze-Vingts

Centre international d'études supérieures en sciences agronomiques (Montpellier Sup Agro)

Centre des liaisons européennes et internationales de sécurité sociale

Centre des Monuments Nationaux

Centre national d'art et de culture Georges Pompidou

Centre national de la cinématographie

Institut national supérieur de formation et de recherche pour l'éducation des jeunes handicapés et les enseignements adaptés

Centre National d'Etudes et d'expérimentation du machinisme agricole, du génie rural, des eaux et des forêts (CEMAGREF)

Ecole nationale supérieure de Sécurité Sociale

Centre national du livre

Centre national de documentation pédagogique

Centre national des œuvres universitaires et scolaires (CNOUS)

Centre national professionnel de la propriété forestière

Centre National de la Recherche Scientifique (C.N.R.S)

Centres d'éducation populaire et de sport (CREPS)

Centres régionaux des œuvres universitaires (CROUS)

Collège de France

Conservatoire de l'espace littoral et des rivages lacustres

Conservatoire National des Arts et Métiers

Conservatoire national supérieur de musique et de danse de Paris

Conservatoire national supérieur de musique et de danse de Lyon

Conservatoire national supérieur d'art dramatique

Ecole centrale de Lille

Ecole centrale de Lyon

École centrale des arts et manufactures

École française d'archéologie d'Athènes

École française d'Extrême-Orient

École française de Rome

École des hautes études en sciences sociales

École nationale d'administration

École nationale de l'aviation civile (ENAC)

École nationale des Chartes

École nationale d'équitation

Ecole Nationale du Génie de l'Eau et de l'environnement de Strasbourg

Écoles nationales d'ingénieurs

Ecole nationale d'ingénieurs des industries des techniques agricoles et alimentaires de Nantes

Écoles nationales d'ingénieurs des travaux agricoles

École nationale de la magistrature

Écoles nationales de la marine marchande

École nationale de la santé publique (ENSP)

École nationale de ski et d'alpinisme

École nationale supérieure des arts décoratifs

École nationale supérieure des arts et industries textiles Roubaix

Écoles nationales supérieures d'arts et métiers

École nationale supérieure des beaux-arts

École nationale supérieure de céramique industrielle

École nationale supérieure de l'électronique et de ses applications (ENSEA)

Ecole Nationale Supérieure des Sciences de l'information et des bibliothécaires

Écoles nationales vétérinaires

École nationale de voile

Écoles normales supérieures

École polytechnique

École de viticulture - Avize (Marne)

Etablissement national d'enseignement agronomique de Dijon

Établissement national des invalides de la marine (ENIM)

Établissement national de bienfaisance Koenigswarter

Fondation Carnegie

Fondation Singer-Polignac

Haras nationaux

Hôpital national de Saint-Maurice

Institut français d'archéologie orientale du Caire

Institut géographique national

Institut National des Appellations d'origine

Institut National d'enseignement supérieur et de recherche agronomique et agroalimentaire de Rennes

Institut National d'Etudes Démographiques (I.N.E.D)

Institut National d'Horticulture

Institut National de la jeunesse et de l'éducation populaire

Institut national des jeunes aveugles - Paris

Institut national des jeunes sourds - Bordeaux

Institut national des jeunes sourds - Chambéry

Institut national des jeunes sourds - Metz

Institut national des jeunes sourds - Paris

Institut national de physique nucléaire et de physique des particules (I.N.P.N.P.P)

Institut national de la propriété industrielle

Institut National de la Recherche Agronomique (I.N.R.A)

Institut National de la Recherche Pédagogique (I.N.R.P)

Institut National de la Santé et de la Recherche Médicale (I.N.S.E.R.M)

Institut National des Sciences de l'Univers

Institut National des Sports et de l'Education Physique

Instituts nationaux polytechniques

Instituts nationaux des sciences appliquées

Institut national de recherche en informatique et en automatique (INRIA)

Institut national de recherche sur les transports et leur sécurité (INRETS)

Institut de Recherche pour le Développement

Instituts régionaux d'administration

Institut des Sciences et des Industries du vivant et de l'environnement (Agro Paris Tech)

Institut supérieur de mécanique de Paris

Institut Universitaires de Formation des Maîtres

Musée de l'armée

Musée Gustave-Moreau

Musée national de la marine

Musée national J.-J.-Henner

Musée national de la Légion d'honneur

Musée de la Poste

Muséum National d'Histoire Naturelle

Musée Auguste-Rodin

Observatoire de Paris

Office français de protection des réfugiés et apatrides

Office National des Anciens Combattants et des Victimes de Guerre (ONAC)

Office national de la chasse et de la faune sauvage

Office National de l'eau et des milieux aquatiques

Office national d'information sur les enseignements et les professions (ONISEP)

Office universitaire et culturel français pour l'Algérie

Palais de la découverte

Parcs nationaux

Universités

3. Autre organisme public national

Union des groupements d'achats publics (UGAP)

Agence Nationale pour l'emploi (A.N.P.E)

Autorité indépendante des marchés financiers

Caisse Nationale des Allocations Familiales (CNAF)

Caisse Nationale d'Assurance Maladie des Travailleurs Salariés (CNAMS)

Caisse Nationale d'Assurance-Vieillesse des Travailleurs Salariés (CNAVTS)

4. Institutions, autorités et juridictions indépendantes:

Présidence de la République

CỜ-ROÁT-TI-A

Hrvatski sabor (Quốc hội Cờ-roát-ti-a)

Predsjednik Republike Hrvatske (Tổng thống Cộng hòa Cờ-roát-ti-a)

Ured predsjednika Republike Hrvatske (Văn phòng Tổng thống Cộng hòa Cờ-roát-ti-a)

Ured predsjednika Republike Hrvatske po prestanku obnašanja dužnosti (Văn phòng của Tổng thống Cộng hòa Cờ-roát-ti-a sau khi hết nhiệm kỳ)

Vlada Republike Hrvatske (Chính phủ Cộng hòa Cờ-roát-ti-a)

Uredi Vlade Republike Hrvatske (Văn phòng Chính phủ Cộng hòa Cờ-roát-ti-a)

Ministarstvo gospodarstva (Bộ Kinh tế)

Ministarstvo regionalnoga razvoja i fondova Europske unije (Bộ Phát triển vùng và Quỹ Liên minh Châu Âu)

Ministarstvo financija (Bộ Tài chính)

Ministarstvo obrane (Bộ Quốc phòng)

Ministarstvo vanjskih i europskih poslova (Bộ Ngoại giao và các Vấn đề Châu Âu)

Ministarstvo unutarnjih poslova (Bộ Nội Vụ)

Ministarstvo pravosuđa (Bộ Tư pháp)

Ministarstvo uprave (Bộ Hành chính công)

Ministarstvo poduzetništva i obrta (Bộ Thương nhân và Thủ công Mỹ nghệ)

Ministarstvo rada i mirovinskog sustava (Bộ Lao động và Hưu trí)

Ministarstvo pomorstva, prometa i infrastrukture (Bộ Kết cấu hạ tầng, Giao thông và Hàng hải)

Ministarstvo poljoprivrede (Bộ Nông nghiệp)

Ministarstvo turizma (Bộ Du lịch)

Ministarstvo zaštite okoliša i prirode (Bộ Bảo vệ Môi trường và Thiên nhiên)

Ministarstvo graditeljstva i prostornoga uređenja (Bộ Xây dựng và Quy hoạch Xây dựng)

Ministarstvo branitelja (Bộ Cựu chiến binh)

Ministarstvo socijalne politike i mladih (Bộ Thanh niên và Chính sách Xã hội)

Ministarstvo zdravlja (Bộ Y tế)

Ministarstvo znanosti, obrazovanja i sporta (Bộ Khoa học, Giáo dục và Thể thao)

Ministarstvo kulture (Bộ Văn hóa)

Državne upravne organizacije (Các cơ quan hành chính nhà nước)

Uredi državne uprave u županijama (Cơ quan hành chính huyện)

Ustavni sud Republike Hrvatske (Tòa án Hiến pháp của Cộng hòa Cờ-roát-ti-a)

Vrhovni sud Republike Hrvatske (Tòa án Tối cao của Cộng hòa Cờ-roát-ti-a)

Sudovi (Các Tòa án)

Državno sudbeno vijeće (Hội đồng Tư pháp nhà nước)

Državna odvjetništva (Văn phòng Luật sư nhà nước)

Državnoodvjetničko vijeće (Văn phòng Công tố viên nhà nước)

Pravobraniteljstva (Cơ quan Thanh tra)

Državna komisija za kontrolu postupaka javne nabave (Ủy ban Nhà nước về giám sát các thủ tục mua sắm công)

Hrvatska narodna banka (Ngân hàng nhà nước)

Državne agencije i uredi (Các cơ quan nhà nước)

Državni ured za reviziju (Cơ quan Kiểm toán Nhà nước)

Ý

I. Các đơn vị mua sắm:

1. Presidenza del Consiglio dei Ministri (Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng)

2. Ministero degli Affari Esteri (Bộ Ngoại giao)

3. Ministero dell'Interno (Bộ Nội vụ)

4. Ministero della Giustizia e Uffici giudiziari (esclusi i giudici di pace) (Bộ Tư pháp và các cơ quan tư pháp (không phải là giudici di pace)

5. Ministero della Difesa (Bộ Quốc phòng)

6. Ministero dell'Economia e delle Finanze (Bộ Tài chính và Kinh tế)

7. Ministero dello Sviluppo Economico (Bộ Phát triển kinh tế)

8. Ministero del Commercio internazionale (Bộ Thương mại quốc tế)

9. Ministero delle Comunicazioni (Bộ Truyền thông)

10. Ministero delle Politiche Agricole e Forestali (Bộ Chính sách về Nông nghiệp và Lâm nghiệp)

11. Ministero dell'Ambiente e Tutela del Territorio e del Mare (Bộ Môi trường, Đất đai và Biển)

12. Ministero delle Infrastrutture (Bộ Hạ tầng)

13. Ministero dei Trasporti (Bộ Giao thông)

14. Ministero del Lavoro e delle politiche sociali e della Previdenza sociale (Bộ Lao động, Chính sách Xã hội và An toàn Xã hội)

15. Ministero della Solidarietà sociale (Bộ Đoàn kết xã hội)

16. Ministero della Salute (Bộ Y tế)

17. Ministero dell'Istruzione dell'università e della ricerca (Bộ Giáo dục, Đại học và Nghiên cứu)

18. Ministero per i Beni e le Attività culturali comprensivo delle sue articolazioni periferiche (Bộ Di sản và Văn hóa, bao gồm các đơn vị cấp dưới)

II. Các cơ quan công quốc gia khác:

CONSIP (Concessionaria Servizi Informatici Pubblici)[2]

CỘNG HÒA SÍP

1. (a) ΠροεδρίακαιΠροεδρικόΜέγαρο (Dinh Tổng thống)

(b) ΓραφείοΣυντονιστήΕναρμόνισης (Cơ quan điều phối về Hài hóa hóa)

[2] Cơ quan mua sắm trung ương cho tất cả các cơ quan hành chính của Ý.

2. Υπουργικό Συμβούλιο (Hội đồng Bộ trưởng)

3. ΒουλήτωνΑντιπροσώπων (Hạ viện)

4. Δικαστική Υπηρεσία (Cơ quan Tư pháp)

5. Νομική Υπηρεσία της Δημοκρατίας (Văn phòng Luật Cộng hòa Síp)

6. Ελεγκτική Υπηρεσία της Δημοκρατίας (Cơ quan Kiểm toán Cộng hòa Síp)

7. Επιτροπή Δημόσιας Υπηρεσίας (Ủy ban Dịch vụ công)

8. Επιτροπή Εκπαιδευτικής Υπηρεσίας (Ủy ban Dịch vụ Giáo dục)

9. Γραφείο Επιτρόπου Διοικήσεως (Văn phòng Ủy viên Quản trị (Thanh tra))

10. Επιτροπή Προστασίας Ανταγωνισμού (Ủy ban Bảo vệ Cạnh tranh)

11. Υπηρεσία Εσωτερικού Ελέγχου (Cơ quan Kiểm toán Nội bộ)

12. Γραφείο Προγραμματισμού (Bộ Kế hoạch)

13. Γενικό Λογιστήριο της Δημοκρατίας (Kho bạc Cộng hòa Síp)

14. Γραφείο Επιτρόπου Προστασίας Δεδομένων Προσωπικού Χαρακτήρα (Văn phòng Ủy viên Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân)

15. Γραφείο Εφόρου Δημοσίων Ενισχύσεων (Văn phòng Ủy viên Viện trợ công)

16. Αναθεωρητική Αρχή Προσφορών (Cơ quan Rà soát Đấu thầu)

17. Υπηρεσία Εποπτείας και Ανάπτυξης Συνεργατικών Εταιρειών (Cơ quan về Phát triển và Giám sát Hợp tác Xã hội)

18. Αναθεωρητική Αρχή Προσφύγων (Cơ quan Kiểm soát Người tị nạn)

19. ΥπουργείοΆμυνας (Bộ Quốc phòng)

20. (a)ΥπουργείοΓεωργίας, ΦυσικώνΠόρωνκαιΠεριβάλλοντος (Bộ Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường)

(b) Τμήμα Γεωργίας (Cục Nông nghiệp)

(c) Κτηνιατρικές Υπηρεσίες (Cơ quan Thú y)

(d) Τμήμα Δασών (Cục Lâm nghiệp)

(e) Τμήμα Αναπτύξεως Υδάτων (Cục Phát triển nước)

(f) Τμήμα Γεωλογικής Επισκόπησης (Cục Khảo sát địa chất)

(g) Μετεωρολογική Υπηρεσία (Cơ quan Khí tượng)

(h) Τμήμα Αναδασμού (Cục Dồn điền đổi thửa)

(i) Υπηρεσία Μεταλλείων (Cơ quan Mỏ)

(j) ΙνστιτούτοΓεωργικώνΕρευνών (Viện nghiên cứu Nông nghiệp)

(k) Τμήμα Αλιείας και Θαλάσσιων Ερευνών (Cục Nghiên cứu Hàng hải và Thủy sản)

21. (a)Υπουργείο Δικαιοσύνης και Δημοσίας Τάξεως (Bộ Tư pháp và Trật tự Công cộng)

(b) Αστυνομία (Cảnh sát)

(c) Πυροσβεστική Υπηρεσία Κύπρου (Cơ quan Phòng cháy chữa cháy của Síp)

(d) Τμήμα Φυλακών (Trại giam)

22. (a) Υπουργείο Εμπορίου, Βιομηχανίας και Τουρισμού (Bộ Thương mại, Công nghiệp và Du lịch)

(b) Τμήμα Εφόρου Εταιρειών και Επίσημου Παραλήπτη (Cục Đăng ký Kinh doanh và Thanh lý tài sản)

23. (a) Υπουργείο Εργασίας και Κοινωνικών Ασφαλίσεων (Bộ Lao động và Bảo hiểm Xã hội)

(b) Τμήμα Εργασίας (Cục Lao động)

(c) Τμήμα Κοινωνικών Ασφαλίσεων (Cục Bảo hiểm xã hội)

(d) Τμήμα Υπηρεσιών Κοινωνικής Ευημερίας (Cục Phúc lợi xã hội)

(e) Κέντρο Παραγωγικότητας Κύπρου (Trung tâm Năng suất của Síp)

(f) Ανώτερο Ξενοδοχειακό Ινστιτούτο Κύπρου (Viện Đào tạo về Khách sạn của Síp)

(g) Ανώτερο Τεχνολογικό Ινστιτούτο (Học viện kỹ thuật)

(h) Τμήμα Επιθεώρησης Εργασίας (Cục Thanh tra lao động)

(i) ΤμήμαΕργασιακώνΣχέσεων (Cục Quan hệ lao động)

24. (a) Υπουργείο Εσωτερικών (Bộ Nội vụ)

(b) Επαρχιακές Διοικήσεις (Chính quyền cấp huyện)

(c) Τμήμα Πολεοδομίας και Οικήσεως (Cục Quy hoạch và Phát triển Nhà thành phố)

(d) Τμήμα Αρχείου Πληθυσμού και Μεταναστεύσεως (Cục Di dân và Đăng ký Dân sự)

(e) Τμήμα Κτηματολογίου και Χωρομετρίας (Cục Đo đạc và Đất đai)

(f) Γραφείο Τύπου και Πληροφοριών (Cơ quan Thông tin và Báo chí)

(g) Πολιτική Άμυνα (Cơ quan Dân phòng)

(h) ΥπηρεσίαΜέριμνας καιΑποκαταστάσεωνΕκτοπισθέντων (Cơ quan Chăm sóc và Phục hồi cho Người tị nạn)

(i) Υπηρεσία Ασύλου (Cơ quan về người tị nạn chính trị)

25. Υπουργείο Εξωτερικών (Bộ Ngoại giao)

26. (a) Υπουργείο Οικονομικών (Bộ Tài chính)

(b) Τελωνεία (Cơ quan Hải quan và thuế tiêu thụ đặc biệt)

(c) Τμήμα Εσωτερικών Προσόδων (Cục Thuế nội địa)

(d) Στατιστική Υπηρεσία (Cơ quan Thống kê)

(e) Τμήμα Κρατικών Αγορών και Προμηθειών (Cục Mua sắm của Chính phủ)

(f) Τμήμα Δημόσιας Διοίκησης και Προσωπικού (Vụ nhân sự và quản lý Hành chính)

(g) ΚυβερνητικόΤυπογραφείο (Cơ quan In ấn Chính phủ)

(h) Τμήμα Υπηρεσιών Πληροφορικής (Cục Công nghệ thông tin)

27. Υπουργείο Παιδείας και Πολιτισμού (Bộ Văn hóa và Giáo dục)

28. (a) Υπουργείο Συγκοινωνιών και Έργων (Bộ Truyền thông và Công trình xây dựng)

(b) Τμήμα Δημοσίων Έργων (Cục Công trình công cộng)

(c) Τμήμα Αρχαιοτήτων (Cục Cổ vật)

(d) Τμήμα Πολιτικής Αεροπορίας (Cục Hàng không dân dụng)

(e) Τμήμα Εμπορικής Ναυτιλίας (Cục Thương mại hàng hải)

(f) Τμήμα Ταχυδρομικών Υπηρεσιών (Cục Dịch vụ bưu chính)

(g) Τμήμα Οδικών Μεταφορών (Cục Giao thông đường bộ)

(h) Τμήμα Ηλεκτρομηχανολογικών Υπηρεσιών (Cục Dịch vụ điện và Cơ khí)

(i) Τμήμα Ηλεκτρονικών Επικοινωνιών (Cục Điện tử viễn thông)

29. (a) Υπουργείο Υγείας (Bộ Y tế)

(b) Φαρμακευτικές Υπηρεσίες (Cục Dược)

(c) Γενικό Χημείο (Phòng Thí nghiệm)

(d) ΙατρικέςΥπηρεσίεςκαιΥπηρεσίεςΔημόσιαςΥγείας (Cơ quan Y khoa và Y tế Công cộng)

(e) Οδοντιατρικές Υπηρεσίες (Cơ quan Nha khoa)

(f) Υπηρεσίες Ψυχικής Υγείας (Cơ quan về sức khỏe tinh thần)

LÁT-VIA

A. Ministrijas, īpašu ministru sekretariāti un to padotībā esošās iestādes (Các Bộ, Ban thư ký của các Bộ trưởng thực hiện các nhiệm vụ chuyên trách, và các đơn vị cấp dưới):

1. Aizsardzības ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Quốc phòng và các đơn vị trực thuộc)

2. Ārlietu ministrija un tas padotībā esošās iestādes (Bộ Ngoại giao và các đơn vị trực thuộc)

3. Ekonomikas ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Kinh tế và các đơn vị trực thuộc)

4. Finanšu ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Tài chính và các đơn vị trực thuộc)

5. Iekšlietu ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Nội vụ và các đơn vị trực thuộc)

6. Izglītības un zinātnes ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Khoa học và Giáo dục và các đơn vị trực thuộc)

7. Kultūras ministrija un tas padotībā esošās iestādes (Bộ Văn hóa và các đơn vị trực thuộc)

8. Labklājības ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Phúc lợi và các đơn vị trực thuộc)

9. Satiksmes ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Giao thông và các đơn vị trực thuộc)

10. Tieslietu ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Tư pháp và các đơn vị trực thuộc)

11. Veselības ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Y tế và các đơn vị trực thuộc)

12.Vides aizsardzības un reģionālās attīstības ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Bảo vệ Môi trường và Phát triển Vùng và các đơn vị trực thuộc)

13. Zemkopības ministrija un tās padotībā esošās iestādes (Bộ Nông nghiệp và các đơn vị trực thuộc)

14. Īpašu uzdevumu ministra sekretariāti un to padotībā esošās iestādes (Bộ Chuyên trách và các đơn vị trực thuộc)

B. Citas valsts iestādes (Các cơ quan nhà nước khác):

1. Augstākā tiesa (Tòa án Tối cao)

2. Centrālā vēlēšanu komisija (Ủy ban Bầu cử Trung ương)

3. Finanšu un kapitāla tirgus komisija (Ủy ban Thị trường Tài chính và Vốn)

4. Latvijas Banka (Ngân hàng Lát-via)

5. Prokuratūra un tās pārraudzībā esošās iestādes (Văn phòng Công tố viên và các tổ chức thuộc sự giám sát của Văn phòng Công tố)

6. Saeimas un tās padotībā esošās iestādes (Quốc hội và các đơn vị trực thuộc)

7. Satversmes tiesa (Tòa án Hiến pháp)

8. Valsts kanceleja un tās pārraudzībāesošās iestādes (Văn phòng Thủ tướng và các đơn vị thuộc sự giám sát của Văn phòng Thủ tướng)

9. Valsts kontrole (Cơ quan Kiểm toán Nhà nước)

10. Valsts prezidenta kanceleja (Văn phòng Chủ tịch nước)

11. Citas valsts iestādes, kuras nav ministriju padotībā (Các cơ quan nhà nước khác không trực thuộc các bộ):

- Tiesībsarga birojs (Cơ quan Thanh tra)
- Nacionālā radio un televīzijas padome (Hội đồng Phát thanh quốc gia)

LÍT-VA

Prezidentūros kanceliarija (Văn phòng Chủ tịch nước)

Seimo kanceliarija (Văn phòng Quốc hội)

Seimui atskaitingos institucijos: (Các cơ quan có trách nhiệm trước Quốc hội):

Lietuvos mokslo taryba (Hội đồng Khoa học);

Seimo kontrolierių įstaiga (Cơ quan Kiểm tra của Quốc hội);

Valstybės kontrolė (Cơ quan Kiểm toán Nhà nước);

Specialiųjų tyrimų tarnyba (Cơ quan Điều tra đặc biệt);

Valstybės saugumo departamentas (Cục An ninh Nhà nước);

Konkurencijos taryba (Hội đồng Cạnh tranh);

Lietuvos gyventojų genocido ir rezistencijos tyrimo centras (Trung tâm Nghiên cứu các tội diệt chủng và chống lại loài người);

Vertybinių popierių komisija (Ủy ban Chứng khoán Lít-va);

Ryšių reguliavimo tarnyba (Cơ quan Quản lý truyền thông);

Nacionalinė sveikatos taryba (Hội đồng Y tế quốc gia);

Etninės kultūros globos taryba (Hội đồng Bảo vệ Văn hóa dân tộc);

Lygių galimybių kontrolieriaus tarnyba (Văn phòng Thanh tra Cơ hội bình đẳng);

Valstybinė kultūros paveldo komisija (Ủy ban Di sản văn hóa quốc gia);

Vaiko teisių apsaugos kontrolieriaus įstaiga (Cơ quan Thanh tra về quyền trẻ em);

Valstybinė kainų ir energetikos kontrolės komisija (Ủy ban nhà nước về điều tiết giá tài nguyên năng lượng);

Valstybinė lietuvių kalbos komisija (Ủy ban Nhà nước về Ngôn ngữ Lít-va);

Vyriausioji rinkimų komisija (Ủy ban Bầu cử Trung ương);

Vyriausioji tarnybinės etikos komisija (Cơ quan Quản lý về Đạo đức Công vụ);

Žurnalistų etikos inspektoriaus tarnyba (Cơ quan Thanh tra về Đạo đức Nhà báo).

Vyriausybės kanceliarija (Văn phòng Chính phủ)

Vyriausybei atskaitingos institucijos (Các cơ quan có trách nhiệm trước Chính phủ):

Ginklų fondas (Quỹ Vũ khí);

Informacinės visuomenės plėtros komitetas (Ủy ban Phát triển xã hội thông tin);

Kūno kultūros ir sporto departamentas (Cục Thể thao và Giáo dục thể chất);

Lietuvos archyvų departamentas (Cục Lưu trữ Lít-va);

Mokestinių ginčų komisija (Ủy ban về Tranh chấp thuế);

Statistikos departamentas (Cục Thống kê);

Tautinių mažumų ir išeivijos departamentas (Cục quản lý Dân tộc Thiểu số và Kiều bào Lít-va);

Valstybinė tabako ir alkoholio kontrolės tarnyba (Cơ quan Quản lý Nhà nước về Thuốc lá và rượu);

Viešųjų pirkimų tarnyba (Cơ quan Đấu thầu);

Valstybinė atominės energetikos saugos inspekcija (Thanh tra Nhà nước về An toàn Năng lượng Hạt nhân);

Valstybinė duomenų apsaugos inspekcija (Thanh tra Nhà nước về Bảo mật Thông tin);

Valstybinė lošimų priežiūros komisija (Ủy ban giám sát đánh bạc);

Valstybinė maisto ir veterinarijos tarnyba (Cơ quan Nhà nước về Lương thực và Thú y);

Vyriausioji administracinių ginčų komisija (Ủy ban về Tranh chấp Hành chính);

Draudimo priežiūros komisija (Ủy ban Giám sát bảo hiểm);

Lietuvos valstybinis mokslo ir studijų fondas (Quỹ quốc gia về Khoa học và Nghiên cứu Lít-va);

Konstitucinis Teismas (Tòa án Hiến pháp);

Lietuvos bankas (Ngân hàng Lít-va).

Aplinkos ministerija (Bộ Môi trường)

Įstaigos prie Aplinkos ministerijos (Các đơn vị trực thuộc Bộ Môi trường):

Generalinė miškų urėdija (Tổng cục Lâm nghiệp);

Lietuvos geologijos tarnyba (Khảo sát địa chất Lít-va);

Lietuvos hidrometeorologijos tarnyba (Cơ quan Khí tượng thủy văn);

Lietuvos standartizacijos departamentas (Hội đồng Tiêu chuẩn Lít-va);

Nacionalinis akreditacijos biuras (Cục Kiểm định Quốc gia Lít-va);

Valstybinė metrologijos tarnyba (Cơ quan Đo lường nhà nước);

Valstybinė saugomų teritorijų tarnyba (Cơ quan Nhà nước về các Khu vực được bảo vệ);

Valstybinė teritorijų planavimo ir statybos inspekcija (Thanh tra Nhà nước về Xây dựng và Quy hoạch lãnh thổ).

Finansų ministerija (Bộ Tài chính)

Įstaigos prie Finansų ministerijos (Các cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính):

Muitinės departamentas (Hải quan Lít-va);

Valstybės dokumentų technologinės apsaugos tarnyba (Cơ quan bảo mật công nghệ cho các tài liệu nhà nước) ;

Valstybinė mokesčių inspekcija (Thanh tra Thuế nhà nước);

Finansų ministerijos mokymo centras (Trung tâm Đào tạo của Bộ Tài chính).

Krašto apsaugos ministerija (Bộ Quốc phòng)

Įstaigos prie Krašto apsaugos ministerijos (Các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng):

Antrasis operatyvinių tarnybų departamentas (Cục điều tra thứ hai);

Centralizuota finansų ir turto tarnyba (Cơ quan Tài chính và tài sản tập trung);

Karo prievolės administravimo tarnyba (Cơ quan quản lý hoạt động tuyển quân);

Krašto apsaugos archyvas (Cơ quan lưu trữ quốc phòng);

Krizių valdymo centras (Trung tâm quản lý khủng hoảng);

Mobilizacijos departamentas (Cục huy động quân đội);

Ryšių ir informacinių sistemų tarnyba (Cơ quan Hệ thống thông tin và truyền thông);

Infrastruktūros plėtros departamentas (Vụ Phát triển Hạ tầng);

Valstybinis pilietinio pasipriešinimo rengimo centras (Trung tâm kháng chiến dân sự);

Lietuvos kariuomenė (Lực lượng Vũ trang Lít-va);

Krašto apsaugos sistemos kariniai vienetai ir tarnybos (Các cơ quan và đơn vị quân đội thuộc Hệ thống quốc phòng).

Kultūros ministerija (Bộ Văn hóa)

Įstaigos prie Kultūros ministerijos (Các cơ quan trực thuộc Bộ Văn hóa):

Kultūros paveldo departamentas (Vụ Di sản Văn hóa Lít-va);

Valstybinė kalbos inspekcija (Ủy ban Ngôn ngữ Nhà nước).

Socialinės apsaugos ir darbo ministerija (Bộ An sinh Xã hội và Lao động)

Įstaigos prie Socialinės apsaugos ir darbo ministerijos (Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ An sinh Xã hội và Lao động):

Garantinio fondo administracija (Cơ quan quản lý Quỹ bảo hiểm);

Valstybės vaiko teisių apsaugos ir įvaikinimo tarnyba (Cơ quan nhà nước về Bảo vệ quyền trẻ em và nhận con nuôi);

Lietuvos darbo birža (Cục trao đổi lao động Lít-thu-nia);

Lietuvos darbo rinkos mokymo tarnyba (Cơ quan đào tạo nguồn nhân lực Lít-thu-nia);

Trišalės tarybos sekretoriatas (Văn phòng Hội đồng bên thứ 3);

Socialinių paslaugų priežiūros departamentas (Vụ giám sát các dịch vụ xã hội);

Darbo inspekcija (Cơ quan thanh tra lao động);

Valstybinio socialinio draudimo fondo valdyba (Ủy ban nhà nước về Quỹ bảo hiểm xã hội);

Neįgalumo ir darbingumo nustatymo tarnyba (Cơ quan về Lực lượng lao động và khuyết tật);

Ginčų komisija (Ủy ban Tranh chấp);

Techninės pagalbos neįgaliesiems centras (Trung tâm nhà nước về đền bù cho người khuyết tật);

Neįgaliųjų reikalų departamentas (Vụ Người khuyết tật).

Susisiekimo ministerija (Bộ Giao thông và Truyền thông)

Įstaigos prie Susisiekimo ministerijos (Các cơ quan thuộc Bộ Giao thông và Truyền thông):

Lietuvos automobilių kelių direkcija (Cơ quan đường bộ Lít-thu-nia);

Valstybinė geležinkelio inspekcija (Thanh tra Nhà nước về Đường sắt);

Valstybinė kelių transporto inspekcija (Thanh tra Nhà nước về vận tải đường bộ);

Pasienio kontrolės punktų direkcija (Cơ quan chỉ huy các chốt biên phòng).

Sveikatos apsaugos ministerija (Bộ Y tế)

Įstaigos prie Sveikatos apsaugos ministerijos (Các cơ quan trực thuộc Bộ Y tế):

Valstybinė akreditavimo sveikatos priežiūros veiklai tarnyba (Cơ quan kiểm định Nhà nước về chăm sóc sức khỏe);

Valstybinė ligonių kasa (Quỹ bệnh nhân quốc gia);

Valstybinė medicininio audito inspekcija (Thanh tra nhà nước về Kiểm toán y khoa);

Valstybinė vaistų kontrolės tarnyba (Cơ quan Nhà nước về kiểm soát dược);

Valstybinė teismo psichiatrijos ir narkologijos tarnyba (Cơ quan tội phạm tâm thần và nghiện rượu Lít-va);

Valstybinė visuomenės sveikatos priežiūros tarnyba (Cơ quan Nhà nước về y tế công cộng);

Farmacijos departamentas (Vụ Dược phẩm);

Sveikatos apsaugos ministerijos Ekstremalių sveikatai situacijų centras (Trung tâm sức khỏe khẩn cấp của Bộ Y tế);

Lietuvos bioetikos komitetas (Ủy ban đạo đức sinh học Lít-va);

Radiacinės saugos centras (Trung tâm bảo vệ phóng xạ).

Švietimo ir mokslo ministerija (Bộ Giáo dục và Khoa học)

Įstaigos prie Švietimo ir mokslo ministerijos (Các cơ quan trực thuộc Bộ Giáo dục và Khoa học):

Nacionalinis egzaminų centras (Trung tâm Khảo thí quốc gia);

Studijų kokybės vertinimo centras (Trung tâm đánh giá chất lượng giáo sau đại học).

Teisingumo ministerija (Bộ Tư pháp)

Įstaigos prie Teisingumo ministerijos (Các cơ quan trực thuộc Bộ Tư pháp):

Kalėjimų departamentas (Cục trại giam);

Nacionalinė vartotojų teisių apsaugos taryba (Ủy ban Quốc gia bảo vệ quyền người tiêu dùng);

Europos teisės departamentas (Vụ Luật pháp Châu Âu).

Ūkio ministerija (Bộ Kinh tế)

Įstaigos prie Ūkio ministerijos (Các cơ quan trực thuộc Bộ Kinh tế):

Įmonių bankroto valdymo departamentas (Vụ Quản lý phá sản doanh nghiệp);

Valstybinė energetikos inspekcija (Thanh tra Nhà nước về năng lượng);

Valstybinė ne maisto produktų inspekcija (Thanh tra Nhà nước về sản phẩm không phải là thực phẩm);

Valstybinis turizmo departamentas (Tổng cục Du lịch Lít-va).

Užsienio reikalų ministerija (Bộ Ngoại giao)

Diplomatinės atstovybės ir konsulinės įstaigos užsienyje bei atstovybės prie tarptautinių organizacijų (Các phái đoàn ngoại giao và lãnh sự cũng như đại diện của các tổ chức quốc tế).

Vidaus reikalų ministerija (Bộ Nội vụ)

Įstaigos prie Vidaus reikalų ministerijos (Các cơ quan trực thuộc Bộ Nội vụ):

Asmens dokumentų išrašymo centras (Trung tâm Chứng từ nhân thân);

Finansinių nusikaltimų tyrimo tarnyba (Cơ quan điều tra Tội phạm tài chính);

Gyventojų registro tarnyba (Cơ quan Đăng ký thường trú);

Policijos departamentas (Cục Cảnh sát);

Priešgaisrinės apsaugos ir gelbėjimo departamentas (Cục Cứu hỏa và cứu hộ);

Turto valdymo ir ūkio departamentas (Vụ Kinh tế và quản lý tài sản);

Vadovybės apsaugos departamentas (Vụ bảo vệ các nhân vật quan trọng);

Valstybės sienos apsaugos tarnyba (Vụ Bảo vệ biên giới quốc gia);

Valstybės tarnybos departamentas (Vụ Dân sự);

Informatikos ir ryšių departamentas (Vụ Công nghệ thông tin và truyền thông);

Migracijos departamentas (Vụ Nhập cư);

Sveikatos priežiūros tarnyba (Vụ Chăm sóc sức khỏe);

Bendrasis pagalbos centras (Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp).

Žemės ūkio ministerija (Bộ Nông nghiệp)

Įstaigos prie Žemės ūkio ministerijos (Các cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp):

Nacionalinė mokėjimo agentūra (Cơ quan Thanh toán quốc gia);

Nacionalinė žemės tarnyba (Cơ quan Đất đai quốc gia);

Valstybinė augalų apsaugos tarnyba (Cơ quan Bảo vệ cây trồng quốc gia);

Valstybinė gyvulių veislininkystės priežiūros tarnyba (Cơ quan Giám sát nhân giống động vật quốc gia);

Valstybinė sėklų ir grūdų tarnyba (Cơ quan Ngũ cốc và hạt giống quốc gia);

Žuvininkystės departamentas (Vụ Ngư nghiệp).

Teismai (Tòa án):

Lietuvos Aukščiausiasis Teismas (Tòa án Tối cao Lít-va);

Lietuvos apeliacinis teismas (Tòa Phúc thẩm Lít-va);

Lietuvos vyriausiasis administracinis teismas (Tòa án Hành chính tối cao Lít-va);

Apygardų teismai (Tòa án khu vực);

Apygardų administraciniai teismai (Tòa án Hành chính khu vực);

Apylinkių teismai (Tòa án quận);

Nacionalinė teismų administracija (Tòa án Hành chính quốc gia);

Generalinė prokuratūra (Văn phòng Công tố viên).

Kiti centriniai valstybinio administravimo subjektai - institucijos, įstaigos, tarnybos (Các cơ quan hành chính công khác):

Muitinės kriminalinė tarnyba (Cơ quan Tội phạm hải quan);

Muitinės informacinių sistemų centras (Trung tâm Hệ thống thông tin hải quan);

Muitinės laboratorija (Phòng thí nghiệm hải quan).

LÚC-XĂM-BUA

1. Ministère d'État;

2. Ministère des Affaires Étrangères et de l'Immigration;

3. Ministère des Affaires Étrangères et de l'Immigration: Direction de la Défense (Armée);

4. Ministère de l'Agriculture, de la Viticulture et du Développement Rural;

5. Ministère de l'Agriculture, de la Viticulture et du Développement Rural: Administration des Services Techniques de l'Agriculture;

6. Ministère des Classes moyennes, du Tourisme et du Logement;

7. Ministère de la Culture, de l'Enseignement Supérieur et de la Recherche;

8. Ministère de l'Économie et du Commerce extérieur;

9. Ministère de l'Éducation nationale et de la Formation professionnelle;

10. Ministère de l'Éducation nationale et de la Formation professionnelle: Lycée d'Enseignement Secondaire et d'Enseignement Secondaire Technique;

11. Ministère de l'Égalité des chances;

12. Ministère de l'Environnement;

13. Ministère de l'Environnement: Administration de l'Environnement;

14. Ministère de la Famille et de l'Intégration;

15. Ministère de la Famille et de l'Intégration: Maisons de retraite;

16. Ministère des Finances;

17. Ministère de la Fonction publique et de la Réforme administrative;

18. Ministère de la Fonction publique et de la Réforme administrative: Service Central des Imprimés et des Fournitures de l'État - Centre des Technologies de l'informatique de l'État;

19. Ministère de l'Intérieur et de l'Aménagement du territoire;

20. Ministère de l'Intérieur et de l'Aménagement du territoire: Police Grand-Ducale Luxembourg- Inspection générale de Police;

21. Ministère de la Justice;

22. Ministère de la Justice: Établissements Pénitentiaires;

23. Ministère de la Santé;

24. Ministère de la Santé: Centre hospitalier neuropsychiatrique;

25. Ministère de la Sécurité sociale;

26. Ministère des Transports;

27. Ministère du Travail et de l'Emploi;

28. Ministère des Travaux publics;

29. Ministère des Travaux publics: Bâtiments Publics - Ponts et Chaussées.

HUNG-GA-RI

Nemzeti Erőforrás Minisztérium (Bộ Tài nguyên quốc gia)

Vidékfejlesztési Minisztérium (Bộ Phát triển nông thôn)

Nemzeti Fejlesztési Minisztérium (Bộ Phát triển quốc gia)

Honvédelmi Minisztérium (Bộ Quốc phòng)

Közigazgatási és Igazságügyi Minisztérium (Bộ Hành chính và tư pháp)

Nemzetgazdasági Minisztérium (Bộ Kinh tế quốc dân)

Külügyminisztérium (Bộ Ngoại giao)

Miniszterelnöki Hivatal (Văn phòng Thủ tướng)

Belügyminisztérium, (Bộ Nội vụ)

Központi Szolgáltatási Főigazgatóság (Ban giám đốc Dịch vụ trung ương)

MAN-TA

1. Uffiċċju tal-Prim Ministru (Văn phòng Thủ tướng)

2. Ministeru għall-Familja u Solidarjeta' Soċjali (Bộ Gia đình và đoàn kết xã hội)

3. Ministeru ta' l-Edukazzjoni Zghazagh u Impjieg (Bộ Việc làm và Giáo dục thanh niên)

4. Ministeru tal-Finanzi (Bộ Tài chính)

5. Ministeru tar-Riżorsi u l-Infrastruttura (Bộ Tài nguyên và Hạ tầng)

6. Ministeru tat-Turiżmu u Kultura (Bộ Văn hóa và Du lịch)

7. Ministeru tal-Ġustizzja u l-Intern (Bộ Tư pháp và Nội vụ)

8. Ministeru għall-Affarijiet Rurali u l-Ambjent (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

9. Ministeru għal Għawdex (Bộ quản lý đảo Gozo)

10. Ministeru tas-Saħħa, l-Anzjani u Kura fil-Kommunita' (Bộ Y tế, Chăm sóc cộng đồng và Người cao tuổi)

11. Ministeru ta' l-Affarijiet Barranin (Bộ Ngoại giao)

12. Ministeru għall-Investimenti, Industrija u Teknologija ta' Informazzjoni (Bộ Đầu tư, Công nghiệp và Công nghệ Thông tin)

13. Ministeru għall-Kompetittivà u Komunikazzjoni (Bộ Năng lực cạnh tranh và Truyền thông)

14. Ministeru għall-Iżvilupp Urban u Toroq (Bộ Phát triển đô thị và đường bộ)

15. L-Uffiċċju tal-President (Văn phòng Chủ tịch nước)

16. Uffiċċju ta 'l-iskrivan tal-Kamra tad-Deputati (Văn phòng Thư ký Hạ viện)

HÀ LAN

MINISTERIE VAN ALGEMENE ZAKEN - (BỘ VỀ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG)

- Bestuursdepartement - (Các Vụ Nhân sự và chính sách trung ương)

- Bureau van de Wetenschappelijke Raad voor het Regeringsbeleid - (Hội đồng Tư vấn về chính sách Chính phủ)

- Rijksvoorlichtingsdienst: - (Cơ quan thông tin Chính phủ Hà Lan)

MINISTERIE VAN BINNENLANDSE ZAKEN EN KONINKRIJKSRELATIES - (BỘ NỘI VỤ)

- Bestuursdepartement - (Vụ Cán bộ và chính sách trung ương)

- Centrale Archiefselectiedienst (CAS) - (Lựa chọn Bản ghi trung tâm)

- Algemene Inlichtingen- en Veiligheidsdienst (AIVD) - (Tổng cục Tình báo và An ninh)

- Agentschap Basisadministratie Persoonsgegevens en Reisdocumenten (BPR) - (Cơ quan Lưu trữ Nhân thân và Giấy tờ Di trú)

- Agentschap Korps Landelijke Politiediensten - (Cục Cảnh sát quốc gia)

MINISTERIE VAN BUITENLANDSE ZAKEN - (BỘ NGOẠI GIAO)

- Directoraat-generaal Regiobeleid en Consulaire Zaken (DGRC) - (cục Chính sách vùng và lãnh sự)

- Directoraat-generaal Politieke Zaken (DGPZ) - (Tổng cục Chính trị)

- Directoraat-generaal Internationale Samenwerking (DGIS) - (Tổng cục Hợp tác quốc tế)

- Directoraat-generaal Europese Samenwerking (DGES) - (Tổng cục Hợp tác Châu Âu)

- Centrum tot Bevordering van de Import uit Ontwikkelingslanden (CBI) - (Trung tâm Xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển)

- Centrale diensten ressorterend onder S/PlvS - (Cơ quan giúp việc cho Tổng Thư ký và Phó Tổng Thư ký)

- Buitenlandse Posten (ieder afzonderlijk) - (Các Phái đoàn ngoại giao khác nhau)

MINISTERIE VAN DEFENSIE - (BỘ QUỐC PHÒNG)

- Bestuursdepartement - (Các Vụ Nhân sự và chính sách trung ương)

- Commando Diensten Centra (CDC) - (Bộ Tư lệnh Yểm trợ)

- Defensie Telematica Organisatie (DTO) - (Tổ chức Truyền thông - công nghệ thông tin quốc phòng)

- Centrale directie van de Defensie Vastgoed Dienst - (Tổng cục Bất động sản quốc phòng trung ương)

- De afzonderlijke regionale directies van de Defensie Vastgoed Dienst - (Cục Bất động sản quốc phòng khu vực)

- Defensie Materieel Organisatie (DMO) - (Tổ chức Vật tư quốc phòng)

- Landelijk Bevoorradingsbedrijf van de Defensie Materieel Organisatie - (Tổ chức Cung ứng vật tư quốc phòng)

- Logistiek Centrum van de Defensie Materieel Organisatie - (Trung tâm logistic của Tổ chức Vật tư quốc phòng)

- Marinebedrijf van de Defensie Materieel Organisatie - (Bộ phận bảo trì của Tổ chức Vật tư quốc phòng)

- Defensie Pijpleiding Organisatie (DPO) - Tổ chức Đường ống quốc phòng

MINISTERIE VAN ECONOMISCHE ZAKEN - (BỘ KINH TẾ)

- Bestuursdepartement - (Vụ Nhân sự và chính sách trung ương)

- Centraal Planbureau (CPB) - (Văn phòng Chính sách kinh tế Hà Lan)

- Bureau voor de Industriële Eigendom (BIE) - (Văn phòng Sở hữu công nghiệp)

- SenterNovem - (Cơ quan sáng tạo bền vững)

- Staatstoezicht op de Mijnen (SodM) - (Cơ quan quản lý khai thác mỏ Nhà nước)

- Nederlandse Mededingingsautoriteit (NMa) - (Cơ quan quản lý cạnh tranh Hà Lan)

- Economische Voorlichtingsdienst (EVD) - (Cục Ngoại thương Hà Lan)

- Agentschap Telecom - (Cục Viễn thông)

- Kenniscentrum Professioneel & Innovatief Aanbesteden, Netwerk voor Overheidsopdrachtgevers (PIANOo) - (Cơ quan quản lý đấu thầu chuyên nghiệp và sáng tạo, mạng lưới các cơ quan mua sắm)

- Regiebureau Inkoop Rijksoverheid (Cơ quan hỗ trợ mua sắm của chính phủ trung ương)

- Octrooicentrum Nederland - (Văn phòng Bằng sáng chế Hà Lan)

MINISTERIE VAN FINANCIËN - (BỘ TÀI CHÍNH)

- Bestuursdepartement - (Vụ Nhân sự và chính sách trung ương)

- Belastingdienst Automatiseringscentrum - (Trung tâm Máy tính và phần mềm thuế và hải quan)

- Belastingdienst - (Tổng cục Thuế và hải quan)

- de afzonderlijke Directies der Rijksbelastingen - (Các vụ thuộc Tổng cục Thuế và Hải quan trên toàn Hà Lan)

- Fiscale Inlichtingen- en Opsporingsdienst (incl. Economische Controle dienst (ECD) - (Dịch vụ Thông tin Tài khóa và Điều tra (gồm cả Cơ quan Điều tra Kinh tế))

- Belastingdienst Opleidingen - (Trung tâm Đào tạo Thuế và Hải quan)

- Dienst der Domeinen - (Cục Công sản)

MINISTERIE VAN JUSTITIE - (BỘ TƯ PHÁP)

- Bestuursdepartement - (Vụ Nhân sự và chính sách trung ương)

- Dienst Justitiële Inrichtingen - (Cơ quan Đính chính các cơ sở)

- Raad voor de Kinderbescherming - (Cục Chăm sóc và Bảo vệ trẻ em)

- Centraal Justitie Incasso Bureau - (Cục Sưu tập nghệ thuật trung ương)

- Openbaar Ministerie - (Viện Kiểm sát)

- Immigratie en Naturalisatiedienst - (Cục Nhập cư và Nhập tịch)

- Nederlands Forensisch Instituut - (Học viện nghiệp vụ điều tra Hà Lan)

MINISTERIE VAN LANDBOUW, NATUUR EN VOEDSELKWALITEIT - (BỘ NÔNG NGHIỆP, THIÊN NHIÊN VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM)

- Bestuursdepartement - (Vụ Nhân sự và chính sách trung ương)

- Dienst Regelingen (DR) - ((Cục) Hành pháp Quốc gia)

- Agentschap Plantenziektenkundige Dienst (PD) - ((Cục) Bảo vệ thực vật)

- Algemene Inspectiedienst (AID) - (Tổng Thanh tra)

- Dienst Landelijk Gebied (DLG) - (Cục Phát triển nông nghiệp bền vững)

- Voedsel en Waren Autoriteit (VWA) - (Cục An toàn thực phẩm và người tiêu dùng)

MINISTERIE VAN ONDERWIJS, CULTUUR EN WETENSCHAPPEN - (BỘ GIÁO DỤC, VĂN HÓA VÀ KHOA HỌC)

- Bestuursdepartement - (Vụ Chính sách và nhân sự trung ương)

- Inspectie van het Onderwijs - (Thanh tra giáo dục)

- Erfgoedinspectie - (Thanh tra di sản)

- Centrale Financiën Instellingen - (Cơ quan tài trợ trung ương cho các tổ chức)

- Nationaal Archief - (Cục Lưu trữ Quốc gia)

- Adviesraad voor Wetenschaps- en Technologiebeleid - (Hội đồng tư vấn về chính sách khoa học và công nghệ)

- Onderwijsraad - (Hội đồng giáo dục)

- Raad voor Cultuur - (Hội đồng văn hóa)

MINISTERIE VAN SOCIALE ZAKEN EN WERKGELEGENHEID - (BỘ XÃ HỘI VÀ VIỆC LÀM)

- Bestuursdepartement - (Vụ Chính sách và nhân sự trung ương)

- Inspectie Werk en Inkomen - (Thanh tra việc làm và thu nhập)

- Agentschap SZW- (Cơ quan SZW)

MINISTERIE VAN VERKEER EN WATERSTAAT - (BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI, CÔNG TRÌNH VÀ QUẢN LÝ NƯỚC)

- Bestuursdepartement - (Vụ Chính sách và nhân sự trung ương)

- Directoraat-Generaal Transport en Luchtvaart - (Tổng cục vận tải và hàng không dân dụng)

- Directoraat-generaal Personenvervoer - (Tổng cục giao thông vận tải hành khách)

- Directoraat-generaal Water - (Tổng cục vấn đề về nước)

- Centrale diensten - (Dịch vụ trung tâm)

- Shared services Organisatie Verkeer en Watersaat - (Tổ chức dịch vụ vận tải và quản lý nước) *(cơ quan mới)*

- Koninklijke Nederlandse Meteorologisch Instituut KNMI - (Viện Khí tượng Hoàng gia Hà Lan)

- Rijkswaterstaat, Bestuur - (Tổng cục Công trình công cộng và quản lý nước)

- De afzonderlijke regionale Diensten van Rijkswaterstaat - (Các chi cục khu vực của Tổng cục Công trình công cộng và quản lý nước)

- De afzonderlijke specialistische diensten van Rijkswaterstaat - (Các chi nhánh dịch vụ riêng lẻ của Tổng cục công trình công cộng và quản lý nước)

- Adviesdienst Geo-Informatie en ICT - (Hội đồng tư vấn về thông tin địa lý và ICT)

- Adviesdienst Verkeer en Vervoer (AVV) - (Hội đồng tư vấn về giao thông và vận tải)

- Bouwdienst - (Dịch vụ Xây dựng)

- Corporate Dienst (Dịch vụ tập đoàn)

- Data ICT Dienst (Dịch vụ dữ liệu và CNTT)

- Dienst Verkeer en Scheepvaart (Dịch vụ giao thông và vận tải tàu)

- Dienst Weg- en Waterbouwkunde - DWW (Dịch vụ cho kỹ thuật đường bộ và thủy lực)

- Rijksinstituut voor Kust en Zee (RIKZ) - (Viện quản lý biển và ven biển quốc gia)

- Rijksinstituut voor Integraal Zoetwaterbeheer en Afvalwaterbehandeling (RIZA) - (Viện quản lý nước ngọt và xử lý nước ngọt)

- Waterdienst (Dịch vụ nước)

- Cục kiểm soát cảng quốc gia

- Directie Toezichtontwikkeling Communicatie en Onderzoek - TCO (Cục Phát triển giám sát truyền thông và nghiên cứu)

- Toezichthouder Beheer Eenheid Lucht - Đơn vị quản lý "Không khí"

- Toezichthouder Beheer Eenheid Water - Đơn vị quản lý "Nước"

- Toezichthouder Beheer Eenheid Land - Đơn vị quản lý "Đất"

MINISTERIE VAN VOLKSHUISVESTING, RUIMTELIJKE ORDENING EN MILIEUBEHEER - (BỘ NHÀ Ở, QUY HOẠCH KHÔNG GIAN VÀ MÔI TRƯỜNG)

- Bestuursdepartement - (Vụ Chính sách và nhân sự trung ương)

- Directoraat-generaal Wonen, Wijken en Integratie - (Tổng cục Nhà ở, Cộng đồng và Hội nhập)

- Directoraat-generaal Ruimte - (Tổng cục Chính sách không gian)
- Directoraat-general Milieubeheer - (Tổng cục bảo vệ môi trường)
- Rijksgebouwendienst - (Cơ quan tòa nhà chính phủ)
- VROM Inspectie - (Thanh tra)

MINISTERIE VAN VOLKSGEZONDHEID, WELZIJN EN SPORT - (BỘ Y TẾ, PHÚC LỢI VÀ THỂ THAO)

- Bestuursdepartement - (Vụ Chính sách và nhân sự trung ương)
- Inspectie Gezondheidsbescherming, Waren en Veterinaire Zaken - (Thanh tra bảo vệ sức khỏe và sức khỏe cộng đồng thú y)
- Inspectie Gezondheidszorg - (Thanh tra chăm sóc sức khỏe)
- Inspectie Jeugdhulpverlening en Jeugdbescherming - (Cơ quan thanh tra về dịch vụ thanh niên và bảo vệ thanh niên)
- Rijksinstituut voor de Volksgezondheid en Milieu (RIVM) - (Viện Y tế và Môi trường công cộng)
- Sociaal en Cultureel Planbureau - (Văn phòng quy hoạch xã hội và văn hóa)
- Agentschap t.b.v. het College ter Beoordeling van Geneesmiddelen - (Cơ quan Đánh giá thuốc)

TWEEDE KAMER DER STATEN-GENERAAL - (HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC THỨ HAI)

EERSTE KAMER DER STATEN-GENERAAL - (HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC THỨ NHẤT)

RAAD VAN STATE - (HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC)

ALGEMENE REKENKAMER - (TÒA ÁN KIỂM TOÁN HÀ LAN)

NATIONALE OMBUDSMAN - (THANH TRA QUỐC GIA)

KANSELARIJ DER NEDERLANDSE ORDEN - (THỦ TƯỚNG HÀ LAN)

KABINET DER KONINGIN - (NỘI CÁC CỦA NỮ HOÀNG)

RAAD VOOR DE RECHTSPRAAK EN DE RECHTBANKEN - (QUẢN LÝ TƯ PHÁP VÀ BAN CỐ VẤN VÀ TÒA ÁN LUẬT)

ÁO

A. Các tổ chức thuộc phạm vi điều chỉnh

1. Bundeskanzleramt (Federal Chancellery - Văn phòng Thủ tướng Liên bang)

2. Bundesministerium für europäische und internationale Angelegenheiten (Bộ Châu Âu và quốc tế Liên bang)

3. Bundesministerium für Finanzen (Bộ Tài chính Liên bang)

4. Bundesministerium für Gesundheit (Bộ Y tế Liên bang)

5. Bundesministerium für Inneres (Bộ Nội vụ Liên bang)

6. Bundesministerium für Justiz (Bộ Tư pháp Liên bang)

7. Bundesministerium für Landesverteidigung und Sport (Bộ Quốc phòng và Thể thao Liên bang)

8. Bundesministerium für Land- und Forstwirtschaft, Umwelt und Wasserwirtschaft (Bộ Nông lâm nghiệp, quản lý nước và môi trường Liên bang)

9. Bundesministerium für Arbeit, Soziales und Konsumentenschutz (Bộ Lao động, Xã hội và bảo vệ người tiêu dùng Liên bang)

10. Bundesministerium für Unterricht, Kunst und Kultur (Bộ Giáo dục, Nghệ thuật và văn hóa Liên bang)

11. Bundesministerium für Verkehr, Innovation und Technologie (Bộ Vận tải, Sáng tạo và công nghệ Liên bang)

12. Bundesministerium für Wirtschaft , Familie und Jugend (Bộ Kinh tế, Gia đình và thanh niên Liên bang)

13. Bundesministerium für Wissenschaft und Forschung (Bộ Khoa học và nghiên cứu Liên bang)

14. Bundesamt für Eich- und Vermessungswesen (Văn phòng định chuẩn và đo lường Liên bang)

15. Österreichische Forschungs- und Prüfzentrum Arsenal Gesellschaft m.b.H (Trung tâm Nghiên cứu và kiểm định Áo Arsenal Ltd)

16. Bundesanstalt für Verkehr (Viện Giao thông Liên bang)

17. Bundesbeschaffung G.m.b.H (Công ty đấu thầu Liên bang)

18. Bundesrechenzentrum G.m.b.H (Trung tâm xử lý dữ liệu Liên bang)

B. Tất cả các cơ quan trung ương bao gồm các cục và chi cục địa phương với điều kiện không mang tính chất công nghiệp hay thương mại.

BA LAN

1. Kancelaria Prezydenta RP (Văn phòng Tổng thống)

2. Kancelaria Sejmu RP (Văn phòng Hạ Viện)

3. Kancelaria Senatu RP (Văn phòng Thượng viện)

4. Kancelaria Prezesa Rady Ministrów (Văn phòng Thủ tướng)

5. Sąd Najwyższy (Tòa án Tối cao)

6. Naczelny Sąd Administracyjny (Tòa án Hành chính tối cao)

7. Trybunat Konstytucyjny (Tòa án Hiến pháp)

8. Najwyższa Izba Kontroli (Cơ quan Kiểm soát tối cao)

9. Biuro Rzecznika Praw Obywatelskich (Văn phòng bảo vệ nhân quyền)

10. Biuro Rzecznika Praw Dziecka (Văn phòng thanh tra bảo vệ quyền trẻ em)

11. Biuro Ochrony Rządu (Ủy ban Bảo vệ chính phủ)

12. Centralne Biuro Antykorupcyjne (Ủy ban chống tham nhũng trung ương)

13. Ministerstwo Pracy i Polityki Społecznej (Bộ Lao động và Chính sách Xã hội)

14. Ministerstwo Finansów (Bộ Tài chính)

15. Ministerstwo Gospodarki (Bộ Kinh tế)

16. Ministerstwo Rozwoju Regionalnego (Bộ Phát triển khu vực)

17. Ministerstwo Kultury i Dziedzictwa Narodowego (Bộ Văn hóa và Di sản Quốc gia)

18. Ministerstwo Edukacji Narodowej (Bộ Giáo dục quốc gia)

19. Ministerstwo Obrony Narodowej (Bộ Quốc phòng)

20. Ministerstwo Rolnictwa i Rozwoju Wsi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

21. Ministerstwo Skarbu Państwa (Bộ Ngân khố quốc gia)

22. Ministerstwo Sprawiedliwości (Bộ Tư pháp)

23. Ministerstwo Transportu, Budownictwa i Gospodarki Morskiej (Bộ Giao thông, Xây dựng và Kinh tế hàng hải)

24. Ministerstwo Nauki i Szkolnictwa Wyższego (Bộ Khoa học và Giáo dục Đại học)

25. Ministerstwo Środowiska (Bộ Môi trường)

26. Ministerstwo Spraw Wewnętrznych (Bộ Nội vụ)

27. Ministrestwo Administracji i Cyfryzacji (Bộ Quản trị và Số hóa)

28. Ministerstwo Spraw Zagranicznych (Bộ Ngoại giao)

29. Ministerstwo Zdrowia (Bộ Y tế)

30. Ministerstwo Sportu i Turystyki (Bộ Thể thao và Du lịch)

31. Urząd Patentowy Rzeczypospolitej Polskiej (Văn phòng Bằng sáng chế Ba Lan)

32. Urząd Regulacji Energetyki (Cơ quan quản lý Năng lượng Ba Lan)

33. Urząd do Spraw Kombatantów i Osób Represjonowanych (Cơ quan Cựu binh và Nạn nhân của Đàn áp)

34. Urząd Transportu Kolejowego (Cơ quan Vận chuyển Đường sắt)

35. Urząd do Spraw Cudzoziemców (Cục Quản lý người nước ngoài)

36. Urząd Zamówień Publicznych (Cục Quản lý đấu thầu)

37. Urząd Ochrony Konkurencji i Konsumentów (Cơ quan Bảo vệ cạnh tranh và người tiêu dùng)

38. Urząd Lotnictwa Cywilnego (Cục Hàng không dân dụng)

39. Urząd Komunikacji Elektronicznej (Cục Truyền thông điện tử)

40. Wyższy Urząd Górniczy (Cục Khoáng sản quốc gia)

41. Główny Urząd Miar (Tổng cục Đo lường)

42. Główny Urząd Geodezji i Kartografii (Tổng cục Trắc địa và bản đồ)

43. Główny Urząd Nadzoru Budowlanego (Tổng cục Kiểm soát xây dựng)

44. Główny Urząd Statystyczny (Tổng cục Thống kê)

45. Krajowa Rada Radiofonii i Telewizji (Hội đồng Phát thanh truyền hình quốc gia)

46. Generalny Inspektor Ochrony Danych Osobowych (Tổng thanh tra Bảo vệ dữ liệu cá nhân)

47. Państwowa Komisja Wyborcza (Ủy ban Bầu cử quốc gia)

48. Państwowa Inspekcja Pracy (Thanh tra Lao động quốc gia)

49. Rządowe Centrum Legislacji (Trung tâm Luật pháp chính phủ)

50. Narodowy Fundusz Zdrowia (Quỹ Y tế quốc gia)

51. Polska Akademia Nauk (Học viện Khoa học Ba Lan)

52. Polskie Centrum Akredytacji (Trung tâm Kiểm định Ba Lan)

53. Polskie Centrum Badań i Certyfikacji (Trung tâm Khảo thí và Chứng nhận Ba Lan)

54. Polski Komitet Normalizacyjny (Ủy ban Tiêu chuẩn hóa Ba Lan)

55. Zakład Ubezpieczeń Społecznych (Viện Bảo hiểm xã hội)

56. Komisja Nadzoru Finansowego (Cơ quan Giám sát tài chính Ba Lan)

57. Naczelna Dyrekcja Archiwów Państwowych (Tổng cục Lưu trữ quốc gia)

58. Kasa Rolniczego Ubezpieczenia Społecznego (Quỹ Bảo hiểm xã hội nông nghiệp)

59. Generalna Dyrekcja Dróg Krajowych i Autostrad (Tổng cục quản lý Đường bộ quốc gia)

60. Główny Inspektorat Ochrony Roślin i Nasiennictwa (Tổng thanh tra Bảo vệ thực vật và hạt giống)

61. Komenda Główna Państwowej Straży Pożarnej (Cơ quan chỉ đạo Cứu hỏa quốc gia)

62. Komenda Główna Policji (Cảnh sát quốc gia Ba Lan)

63. Komenda Główna Straży Granicxnej (Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng)

64. Główny Inspektorat Jakości Handlowej Artykułów Rolno-Spożywczych (Tổng thanh tra Chất lượng thương mại của thức ăn nông sản)

65. Główny Inspektorat Ochrony Środowiska (Tổng thanh tra Bảo vệ môi trường)

66. Główny Inspektorat Transportu Drogowego (Tổng thanh tra Vận tải đường bộ)

67. Główny Inspektorat Farmaceutyczny (Tổng thanh tra Dược phẩm)

68. Główny Inspektorat Sanitarny (Tổng thanh tra Vệ sinh)

69. Główny Inspektorat Weterynarii (Tổng thanh tra Thú y)

70. Agencja Bezpieczeństwa Wewnętrznego (Cơ quan An ninh nội địa)

71. Agencja Wywiadu (Cơ quan Tình báo)

72. Agencja Mienia Wojskowego (Cơ quan Tài sản quân đội)

73. Agencja Restrukturyzacji i Modernizacji Rolnictwa (Cơ quan Tái cơ cấu và hiện đại hóa nông nghiệp)

74. Agencja Rynku Rolnego (Cơ quan Thị trường nông nghiệp)

75. Agencja Nieruchomości Rolnych (Cơ quan Tài sản nông nghiệp)

76. Państwowa Agencja Atomistyki (Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc gia)

77. Narodowy Bank Polski (Ngân hàng quốc gia Ba Lan)

78. Narodowy Fundusz Ochrony Środowiska i Gospodarki Wodnej (Quỹ quốc gia Bảo vệ môi trường và quản lý nước)

79. Państwowy Fundusz Rehabilitacji Osób Niepełnosprawnych (Quỹ Phục hồi chức năng người khuyết tật)

80. Instytut Pamięci Narodowej - Komisja Ścigania Zbrodni Przeciwko Narodowi Polskiemu (Viện Tưởng niệm quốc gia - Ủy ban Kiểm sát tội ác chống lại dân tộc Ba Lan)

81. Służba Celna Rzeczypospolitej Polskiej (Dịch vụ Hải quan của Cộng hòa Ba Lan)

BỒ ĐÀO NHA

1. Presidência do Conselho de Ministros (Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng)

2. Ministério das Finanças (Bộ Tài chính)

3. Ministério da Defesa Nacional (Bộ Quốc phòng)

4. Ministério dos Negócios Estrangeiros e das Comunidades Portuguesas (Bộ Ngoại giao và các cộng đồng Bồ Đào Nha)

5. Ministério da Administração Interna (Bộ Nội vụ)

6. Ministério da Justiça (Bộ Tư pháp)

7. Ministério da Economia (Bộ Kinh tế)

8. Ministério da Agricultura, Desenvolvimento Rural e Pescas (Bộ Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn và Ngư nghiệp)

9. Ministério da Educação (Bộ Giáo dục)

10. Ministério da Ciência e do Ensino Superior (Bộ Khoa học và Giáo dục Đại học)

11. Ministério da Cultura (Bộ Văn hóa)

12. Ministério da Saúde (Bộ Y tế)

13. Ministério do Trabalho e da Solidariedade Social (Bộ Lao động và Đoàn kết Xã hội)

14. Ministério das Obras Públicas, Transportes e Habitação (Bộ Các công trình công cộng, Vận tải và Nhà ở)

15. Ministério das Cidades, Ordenamento do Território e Ambiente (Bộ Đô thị, Quản lý đất đai và Môi trường)

16. Ministério para a Qualificação e o Emprego (Bộ Sát hạch và Việc làm)

17. Presidença da Republica (Tổng thống cộng hòa)

18. Tribunal Constitucional (Tòa án Hiến pháp)

19. Tribunal de Contas (Tòa án Kiểm toán)

20. Provedoria de Justiça (Cơ quan Thanh tra)

RU-MA-NI

Administraţia Prezidenţială (Văn phòng Tổng thống)

Senatul României (Thượng viện Ru-ma-ni)

Camera Deputaţilor (Hạ viện)

Înalta Curte de Casaţie şi Justiţie (Tòa án Tối cao)

Curtea Constituţională (Tòa án Hiến pháp)

Consiliul Legislativ (Hội đồng Lập pháp)

Curtea de Conturi (Tòa án Tài chính)

Consiliul Superior al Magistraturii (Ủy ban các Tòa Phúc thẩm)

Parchetul de pe lângă Înalta Curte de Casaţie şi Justiţie (Văn phòng Công tố viên thuộc Tòa án Tối cao)

Secretariatul General al Guvernului (Tổng Thư ký Chính phủ)

Cancelaria primului ministru (Văn phòng Thủ tướng)

Ministerul Afacerilor Externe (Bộ Ngoại giao)

Ministerul Economiei şi Finanţelor (Bộ Kinh tế và Tài chính)

Ministerul Justiţiei (Bộ Tư pháp)

Ministerul Apărării (Bộ Quốc phòng)

Ministerul Internelor şi Reformei Administrative (Bộ Nội vụ và Cải cách Chính quyền)

Ministerul Muncii, Familiei şi Egalităţii de Şanse (Bộ Lao động và Cơ hội Công bằng)

Ministerul pentru Întreprinderi Mici şi Mijlocii, Comerţ, Turism şi Profesii Liberale (Bộ Doanh nghiệp Nhỏ và vừa, Thương mại, Du lịch và Các nghề tự do)

Ministerul Agriculturii şi Dezvoltării Rurale (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Ministerul Transporturilor (Bộ Giao thông)

Ministerul Dezvoltării, Lucrărilor Publice şi Locuinţei (Bộ Phát triển, công trình công cộng và nhà ở)

Ministerul Educaţiei Cercetării şi Tineretului (Bộ Giáo dục, Nghiên cứu và Thanh niên)

Ministerul Sănătăţii Publice (Bộ Y tế)

Ministerul Culturii şi Cultelor (Bộ Văn hóa và Tín ngưỡng)

Ministerul Comunicaţiilor şi Tehnologiei Informaţiei (Bộ Thông tin và Truyền thông)

Ministerul Mediului şi Dezvoltării Durabile (Bộ Môi trường và Phát triển Bền vững)

Serviciul Român de Informaţii (Cục Tình báo Ru-ma-ni)

Serviciul Român de Informaţii Externe (Cục Tình báo Nước ngoài Ru-ma-ni)

Serviciul de Protecţie şi Pază (Cơ quan Bảo vệ và Cảnh vệ)

Serviciul de Telecomunicaţii Speciale (Dịch vụ Truyền thông đặc biệt)

Consiliul Naţional al Audiovizualului (Ủy ban Truyền thanh truyền hình quốc gia)

Direcţia Naţională Anticorupţie (Cơ quan Chống tham nhũng quốc gia)

Inspectoratul General de Poliţie (Tổng thanh tra cảnh sát)

Autoritatea Naţională pentru Reglementarea şi Monitorizarea Achiziţiilor Publice (Cục Quản lý và giám sát đấu thầu quốc gia)

Autoritatea Naţională de Reglementare pentru Serviciile Comunitare de Utilităţi Publice (ANRSC) (Ủy ban quốc gia về Quản lý dịch vụ công cho cộng đồng)

Autoritatea Naţională Sanitară Veterinară şi pentru Siguranţa Alimentelor (Cơ quan Vệ sinh Thú y và An toàn Thực phẩm Quốc gia)

Autoritatea Naţională pentru Protecţia Consumatorilor (Ủy ban quốc gia về Bảo vệ người tiêu dùng)

Autoritatea Navală Română (Hải quân Ru-ma-ni)

Autoritatea Feroviară Română (Đường sắt Ru-ma-ni)

Autoritatea Rutieră Română (Đường bộ Ru-ma-ni)

Autoritatea Naţională pentru Protecţia Drepturilor Copilului-şi Adopţie (Ủy ban quốc gia về bảo vệ quyền trẻ em và con nuôi)

Autoritatea Naţională pentru Persoanele cu Handicap (Cơ quan quốc gia về Người khuyết tật)

Autoritatea Naţională pentru Tineret (Ủy ban quốc gia về Thanh niên)

Autoritatea Naţională pentru Cercetare Ştiinţifica (Ủy ban quốc gia về Nghiên cứu khoa học)

Autoritatea Naţională pentru Comunicaţii (Ủy ban quốc gia về Truyền thông)

Autoritatea Naţională pentru Serviciile Societăţii Informaţionale (Ủy ban quốc gia về Dịch vụ thông tin xã hội)

Autoritatea Electorală Permanentă (Ủy ban Bầu cử)

Agenţia pentru Strategii Guvernamentale (Ủy ban Chiến lược chính phủ)

Agenţia Naţională a Medicamentului (Ủy ban quốc gia về Dược phẩm)

Agenţia Naţională pentru Sport (Ủy ban Thể thao Quốc gia)

Agenţia Naţională pentru Ocuparea Forţei de Muncă (Ủy ban Việc làm Quốc gia)

Agenţia Naţională de Reglementare în Domeniul Energiei (Cơ quan quản lý Điện lực quốc gia)

Agenţia Română pentru Conservarea Energiei (Ủy ban Dự trữ năng lượng Ru-ma-ni)

Agenţia Naţională pentru Resurse Minerale (Ủy ban quốc gia về Các nguồn khoáng sản)

Agenţia Română pentru Investiţii Străine (Ủy ban Đầu tư nước ngoài Ru-ma-ni)

Agenţia Naţională a Funcţionarilor Publici (Ủy ban quốc gia về Công chức)

Agenţia Naţională de Administrare Fiscală (Ủy ban quốc gia về Quản lý tài chính)

Agenţia Naţională pentru Protecţia Familiei (Ủy ban quốc gia về Bảo vệ gia đình)

Agenţia Naţională pentru Egalitatea de Şanse între Bărbaţi şi Femei (Ủy ban quốc gia về Bình đẳng giới)

Agenţia Naţională pentru Protecţia Mediului (Ủy ban quốc gia về Bảo vệ môi trường)

Agenţia naţională Antidrog (Ủy ban quốc gia về Chống ma túy)

XLÔ-VEN-NIA

1. Predsednik Republike Slovenije (Tổng thống Cộng hòa Xlô-ven-nia)

2. Državni zbor (Quốc hội)

3. Državni svet (Hội đồng Quốc gia)

4. Varuh človekovih pravic (Cơ quan Thanh tra)

5. Ustavno sodišče (Tòa án Hiến pháp)

6. Računsko sodišče (Tòa án Kiểm toán)

7. Državna revizijska komisja (Ủy ban Kiểm tra quốc gia)

8. Slovenska akademija znanosti in umetnosti (Học viện Khoa học và nghệ thuật Xlô-ven-nia)

9. Vladne službe (Dịch vụ chính phủ)

10. Ministrstvo za finance (Bộ Tài chính)

11. Ministrstvo za notranje zadeve (Bộ Nội vụ)

12. Ministrstvo za zunanje zadeve (Bộ Ngoại giao)

13. Ministrstvo za obrambo (Bộ Quốc phòng)

14. Ministrstvo za pravosodje (Bộ Tư pháp)

15. Ministrstvo za gospodarstvo (Bộ Kinh tế)

16. Ministrstvo za kmetijstvo, gozdarstvo in prehrano (Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thực phẩm)

17. Ministrstvo za promet (Bộ Giao thông Vận tải)

18. Ministrstvo za okolje, prostor in energijo (Bộ Môi trường, Quy hoạch và Năng lượng)

19. Ministrstvo za delo, družino in socialne zadeve (Bộ Lao động, Gia đình và các Vấn đề Xã hội)

20. Ministrstvo za zdravje (Bộ Y tế)

21. Ministrstvo za visoko šolstvo, znanost in tehnogijo (Bộ Giáo dục Sau đại học, Khoa học và Công nghệ)

22. Ministrstvo za kulturo (Bộ Văn hóa)

23. Ministerstvo za javno upravo (Bộ Quản lý nhà nước)

24. Vrhovno sodišče Republike Slovenije (Tòa án Tối cao Cộng hòa Xlô-ven-nia)

25. Višja sodišča (Các Tòa Phúc thẩm)

26. Okrožna sodišča (Các Tòa án quận)

27. Okrajna sodišča (Các Tòa án khu vực)

28. Vrhovno tožilstvo Republike Slovenije (Viện Kiểm sát tối cao Cộng hòa Xlô-ven-nia)

29. Okrožna državna tožilstva (Công tố viên nhà nước cấp quận)

30. Družbeni pravobranilec Republike Slovenije (Hội Luật sư của Cộng hòa Xlô-ven-nia)

31. Državno pravobranilstvo Republike Slovenije (Hội Luật sư quốc gia của Cộng hòa Xlô-ven-nia)

32. Upravno sodišče Republike Slovenije (Tòa án hành chính Cộng hòa Xlô-ven-nia)

33. Senat za prekrške Republike Slovenije (Cơ quan tiền sự Cộng hòa Xlô-ven-nia)

34. Višje delovno in socialno sodišče v Ljubljani (Tòa án Lao động và Dân sự phúc thẩm)

35. Delovna in sodišča (Các Tòa án lao động)

36. Upravne note (Các đơn vị hành chính địa phương)

XLÔ-VA-KI-A

Các bộ và các cơ quan mua sắm trung ương khác theo Đạo luật số 575/2001 Coll. về cơ cấu tổ chức của Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước trung ương như sau:

Ministerstvo hospodárstva Slovenskej republiky (Bộ Kinh tế Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo financií Slovenskej republiky (Bộ Tài chính Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo dopravy, výstavby a regionálneho rozvoja Slovenskej republiky (Bộ Giao thông Vận tải, Xây dựng và Phát triển Vùng của Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo pôdohospodárstva a rozvoja vidieka Slovenskej republiky (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo vnútra Slovenskej republiky (Bộ Nội vụ Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo obrany Slovenskej republiky (Bộ Quốc phòng Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo spravodlivosti Slovenskej republiky (Bộ Tư pháp Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo zahraničných vecí Slovenskej republiky (Bộ Ngoại giao Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo práce, sociálnych vecí a rodiny Slovenskej republiky (Bộ Lao động, Xã hội và Gia đình Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo životného prostredia Slovenskej republiky (Bộ Môi trường Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo školstva, vedy, výskumu a športu Slovenskej republiky (Bộ Giáo dục, Khoa học, Nghiên cứu và Thể thao của Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo kultúry Slovenskej republiky (Bộ Văn hóa Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ministerstvo zdravotníctva Slovenskej republiky (Bộ Y tế Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Úrad vlády Slovenskej republiky (Văn phòng Chính phủ Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Protimonopolný úrad Slovenskej republiky (Văn phòng Chống độc quyền Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Štatistický úrad Slovenskej republiky (Cơ quan Thống kê Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Úrad geodézie, kartografie a katastra Slovenskej republiky (Văn phòng Khảo sát đất đai, bản đồ và địa chính Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Úrad pre normalizáciu, metrológiu a skúšobníctvo Slovenskej republiky (Văn phòng Tiêu chuẩn, đo lường và kiểm tra Xlô-va-ki-a)

Úrad pre verejné obstarávanie (Văn phòng Mua sắm công)

Úrad priemyselného vlastníctva Slovenskej republiky (Văn phòng Sở hữu công nghiệp Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Národný bezpečnostný úrad (Cơ quan An ninh quốc gia)

Kancelária Prezidenta Slovenskej republiky (Văn phòng Chủ tịch nước Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Národná rada Slovenskej republiky (Hội đồng Quốc gia Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Ústavný súd Slovenskej republiky (Tòa án Hiến pháp Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Najvyšší súd Slovenskej republiky (Tòa án tối cao Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Generálna prokuratúra Slovenskej republiky (Văn phòng Công tố Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Najvyšší kontrolný úrad Slovenskej republiky (Văn phòng Kiểm toán tối cao Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Telekomunikačný úrad Slovenskej republiky (Văn phòng Viễn thông Cộng hòa Xlô-va-ki-a)

Poštový úrad (Văn phòng Điều tiết bưu chính)

Úrad na ochranu osobných údajov (Văn phòng Bảo vệ dữ liệu cá nhân)

Kancelária verejného ochrancu práv (Văn phòng Thanh tra)

Úrad pre finančný trh (Văn phòng Thị trường tài chính)

PHẦN LAN

OIKEUSKANSLERINVIRASTO - JUSTITIEKANSLERSÄMBETET (VĂN PHÒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN TỐI CAO)

LIIKENNE- JA VIESTINTÄMINISTERIÖ - KOMMUNIKATIONSMINISTERIET

(BỘ GIAO THÔNG VÀ TRUYỀN THÔNG)

Viestintävirasto - Kommunikationsverket (Cục Quản lý truyền thông Phần Lan)

Ajoneuvohallintokeskus AKE - Fordonsförvaltningscentralen AKE (Cục Quản lý phương tiện Phần Lan)

Ilmailuhallinto - Luftfartsförvaltningen (Cục Hàng không dân dụng Phần Lan)

Ilmatieteen laitos - Meteorologiska institutet (Viện Khí tượng Phần Lan)

Merenkulkulaitos - Sjöfartsverket (Cục Hàng hải Phần Lan)

Ratahallintokeskus RHK - Banförvaltningscentralen RHK (Cục Quản lý Đường sắt)

Rautatievirasto - Järnvägsverket (Cơ quan Đường sắt Phần Lan)

Tiehallinto - Vägförvaltningen (Cục Quản lý Đường bộ)

MAA- JA METSÄTALOUSMINISTERIÖ - JORD- OCH SKOGSBRUKSMINISTERIET

(BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ LÂM NGHIỆP)

Elintarviketurvallisuusvirasto - Livsmedelssäkerhetsverket (Cục An toàn thực phẩm Phần Lan)

Maanmittauslaitos - Lantmäteriverket (Cơ quan quốc gia về Khảo sát đất đai Phần Lan)

OIKEUSMINISTERIÖ - JUSTITIEMINISTERIET (BỘ TƯ PHÁP)

Tietosuojavaltuutetun toimisto - Dataombudsmannens byrå (Văn phòng Thanh tra bảo vệ dữ liệu)

Tuomioistuimet - domstolar (Tòa án Luật)

Korkein oikeus - Högsta domstolen (Tòa án Tối cao)

Korkein hallinto-oikeus - Högsta förvaltningsdomstolen (Tòa án Hành chính tối cao)

Hovioikeudet - hovrätter (Tòa phúc thẩm)

Käräjäoikeudet - tingsrätter (Tòa án quận)

Hallinto-oikeudet - förvaltningsdomstolar (Tòa án Hành chính)

Markkinaoikeus - Marknadsdomstolen (Tòa án Thị trường)

Työtuomioistuin - Arbetsdomstolen (Tòa án Lao động)

Vakuutusoikeus - Försäkringsdomstolen (Tòa án Bảo hiểm)

Kuluttajariitalautakunta - Konsumenttvistenämnden (Ban Khiếu nại của Người tiêu dùng)

Vankeinhoitolaitos - Fångvårdsväsendet (Dịch vụ nhà tù)

HEUNI - Yhdistyneiden Kansakuntien yhteydessä toimiva Euroopan kriminaalipolitiikan instituutti - HEUNI - Europeiska institutet för kriminalpolitik, verksamt i anslutning till Förenta Nationerna (Viện Kiểm soát và phòng chống tội phạm Châu Âu)

Oikeushallinnon palvelukeskus - Justitieförvaltningens servicecentral (Dịch vụ quản lý pháp lý)

Oikeushallinnon tietotekniikkakeskus - Justitieförvaltningens datateknikcentral (Trung tâm tin học hành chính pháp lý)

Oikeusrekisterikeskus - Rättsregistercentralen (Trung tâm đăng ký pháp lý)

Onnettomuustutkintakeskus - Centralen för undersökning av olyckor (Ban điều tra tai nạn)

Rikosseuraamusvirasto - Brottspåföljdsverket (Cơ quan xử phạt hình sự)

Rikoksentorjuntaneuvosto Rådet för brottsförebyggande (Hội đồng quốc gia về phòng chống tội phạm)

OPETUSMINISTERIÖ - UNDERVISNINGSMINISTERIET (BỘ GIÁO DỤC)

Opetushallitus - Utbildningsstyrelsen (Hội đồng giáo dục quốc gia)

Valtion elokuvatarkastamo - Statens filmgranskningsbyrå (Hội đồng Quản lý phân loại phim Phần Lan)

PUOLUSTUSMINISTERIÖ - FÖRSVARSMINISTERIET (BỘ QUỐC PHÒNG)

Puolustusvoimat - Försvarsmakten (Lực lượng Quốc phòng Phần Lan)

SISÄASIAINMINISTERIÖ - INRIKESMINISTERIET (BỘ NỘI VỤ)

Keskusrikospoliisi - Centralkriminalpolisen (Cảnh sát hình sự Trung ương)

Liikkuva poliisi - Rörliga polisen (Cảnh sát giao thông quốc gia)

Rajavartiolaitos - Gränsbevakningsväsendet (Bộ đội biên phòng)

Valtion turvapaikanhakijoiden vastaanottokeskukset - Statliga förläggningar för asylsökande (Trung tâm tiếp nhận người xin tị nạn)

SOSIAALI- JA TERVEYSMINISTERIÖ - SOCIAL- OCH HÄLSOVÅRDSMINISTERIET (BỘ XÃ HỘI VÀ Y TẾ)

Työttömyysturvalautakunta - Besvärsnämnden för utkomstskyddsärenden (Ban Khiếu nại thất nghiệp)

Sosiaaliturvan muutoksenhakulautakunta - Besvärsnämnden för socialtrygghet (Tòa phúc thẩm)

Lääkelaitos - Läkemedelsverket (Cơ quan quốc gia về Dược phẩm)

Terveydenhuollon oikeusturvakeskus - Rättsskyddscentralen för hälsovården (Cơ quan quốc gia về các vấn đề y tế)

Säteilyturvakeskus - Strålsäkerhetscentralen (Trung tâm bức xạ và an toàn hạt nhân Phần Lan)

TYÖ- JA ELINKEINOMINISTERIÖ - ARBETS- OCH NÄRINGSMINISTERIET

(BỘ LAO ĐỘNG VÀ KINH TẾ)

Kuluttajavirasto - Konsumentverket (Cơ quan tiêu dùng Phần Lan)

Kilpailuvirasto - Konkurrensverket (Cơ quan cạnh tranh Phần Lan)

Patentti- ja rekisterihallitus - Patent- och registerstyrelsen (Hội đồng sáng chế và đăng ký quốc gia)

Valtakunnansovittelijain toimisto - Riksförlikningsmännens byrå (Văn phòng hòa giải viên quốc gia)

Työneuvosto - Arbetsrådet (Hội đồng lao động)

Geologian tutkimuskeskus - Geologiska forskningscentralen (Cơ quan khảo sát địa chất Phần Lan)

Huoltovarmuuskeskus - Försörjningsberedskapscentralen (Cơ quan cứu nạn quốc gia)

Mittatekniikan keskus - MIKES - Mätteknikcentralen (Trung tâm Đo lường và Kiểm định)

Turvatekniikan keskus - TUKES - Säkerhetsteknikcentralen (Cơ quan an toàn công nghệ)

Vähemmistövaltuutetun toimisto - Minoritetsombudsmannens byrå (Văn phòng Thanh tra Dân tộc thiểu số)

ULKOASIAINMINISTERIÖ - UTRIKESMINISTERIET (BỘ NGOẠI GIAO)

VALTIONEUVOSTON KANSLIA - STATSRÅDETS KANSLI (VĂN PHÒNG THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ)

VALTIOVARAINMINISTERIÖ - FINANSMINISTERIET (BỘ TÀI CHÍNH)

Valtiokonttori - Statskontoret (Kho bạc Nhà nước)

Verohallinto - Skatteförvaltningen (Cơ quan quản lý thuế)

Tullilaitos - Tullverket (Hải quan)

Väestörekisterikeskus - Befolkningsregistercentralen (Trung tâm đăng ký dân số)

Tilastokeskus - Statistikcentralen (Thống kê Phần Lan)

YMPÄRISTÖMINISTERIÖ - MILJÖMINISTERIET (BỘ MÔI TRƯỜNG)

Suomen ympäristökeskus - Finlands miljöcentral (Viện Môi trường Phần Lan)

VALTIONTALOUDEN TARKASTUSVIRASTO - STATENS REVISIONSVERK (VĂN PHÒNG KIỂM TOÁN QUỐC GIA)

THỤY ĐIỂN

Học viện Mỹ thuật Hoàng gia	Akadem
Ủy ban quốc gia về khiếu nại người tiêu dùng	93. Allmänna reklamationsnämnden
94. Tòa án Lao động	95. Arbetsdomstolen
96. Dịch vụ việc làm Thụy Điển	97. Arbetsförmedlingen
98. Cơ quan quốc gia về sử dụng lao động Chính phủ	99. Arbetsgivarverk, statens
100. Viện nghiên cứu quốc gia về đời sống lao động	101. Arbetslivsinstitutet
102. Cơ quan Môi trường lao động Thụy Điển	103. Arbetsmiljöverket
104. Ủy ban Quỹ thừa kế Thụy Điển	105. Arvsfondsdelegationen
106. Bảo tàng Kiến trúc	107. Arkitekturmuseet
108. Cơ quan lưu trữ quốc gia về ghi âm và hình ảnh chuyển động	109. Ljud och bildarkiv, statens
110. Văn phòng thanh tra trẻ em	111. Barnombudsmannen
112. Hội đồng đánh giá công nghệ về chăm sóc sức khỏe Thụy Điển	113. Beredning för utvärdering av medicinsk metodik, statens

114. Thư viện Hoàng gia	115. Kungliga Biblioteket
116. Hội đồng kiểm duyệt phim quốc gia	117. Biografbyrå, statens
118. Từ điển Tiểu sử Thụy Điển	119. Biografiskt lexikon, svenskt
120. Hội đồng tiêu chuẩn kế toán Thụy Điển	121. Bokföringsnämnden
122. Văn phòng đăng ký công ty Thụy Điển	123. Bolagsverket
124. Hội đồng bảo lãnh tín dụng nhà ở quốc gia	125. Bostadskreditnämnd, statens (BKN)
126. Hội đồng Nhà ở quốc gia	127. Boverket
128. Hội đồng quốc gia về phòng chống tội phạm	129. Brottsförebyggande rådet
130. Cơ quan bồi thường và hỗ trợ nạn nhân hình sự	131. Brottsoffermyndigheten
132. Hội đồng hỗ trợ sinh viên quốc gia	133. Centrala studiestödsnämnden
134. Ban kiểm tra dữ liệu	135. Datainspektionen
136. Các Bộ (Cơ quan Chính phủ)	137. Departementen
138. Quản lý tòa án quốc gia	139. Domstolsverket
140. Ban an toàn điện quốc gia	141. Elsäkerhetsverket
142. Hội đồng bảo đảm tín dụng xuất khẩu	143. Exportkreditnämnden
144. Cơ quan giám sát tài chính	145. Finansinspektionen

146. Hội đồng thủy sản quốc gia	147. Fiskeriverket
148. Viện Y tế công cộng quốc gia	149. Folkhälsoinstitut, statens
150. Hội đồng nghiên cứu môi trường Thụy Điển	151. Forskningsrådet för miljö, areella näringar och samhällsbyggande, Formas
152. Cơ quan quản lý pháo đài quốc gia	153. Fortifikationsverket
154. Văn phòng Hòa giải quốc gia	155. Medlingsinstitutet
156. Cơ quan quản lý vật liệu quốc phòng	157. Försvarets materielverk
158. Viện Phát thanh quốc phòng	159. Försvarets radioanstalt
160. Bảo tàng Lịch sử quân sự Thụy Điển	161. Försvarshistoriska museer, statens
162. Trường cao đẳng quốc phòng	163. Försvarshögskolan
164. Các lực lượng vũ trang Thụy Điển	165. Försvarsmakten
166. Văn phòng bảo hiểm xã hội	167. Försäkringskassan
168. Khảo sát địa chất Thụy Điển	169. Geologiska undersökning, Sveriges
170. Viện địa kỹ thuật	171. Geotekniska institut, statens
172. Cơ quan phát triển nông thôn quốc gia	173. Glesbygdsverket
174. Viện Đồ họa và Trường cao học Truyền thông	175. Grafiska institutet och institutet för högre kommunikations- och reklamutbildning

176. Ủy ban phát thanh Thụy Điển	177. Granskningsnämnden för Radio och TV
178. Dịch vụ thủy thủ chính phủ Thụy Điển	179. Handelsflottans kultur- och fritidsråd
180. Thanh tra cho Người khuyết tật	181. Handikappombudsmannen
182. Ban điều tra tai nạn	183. Haverikommission, statens
184. Tòa phúc thẩm (6)	185. Hovrätterna (6)
186. Tòa án thuê và cho thuê bất động sản địa phương (12)	187. Hyres- och arrendenämnder (12)
188. Ủy ban về trách nhiệm y tế	189. Hälso- och sjukvårdens ansvarsnämnd
190. Cơ quan quốc gia về giáo dục bậc cao	191. Högskoleverket
192. Tòa án Tối cao	193. Högsta domstolen
194. Viện quốc gia về yếu tố tâm lý xã hội và sức khỏe	195. Institut för psykosocial miljömedicin, statens
196. Viện nghiên cứu khu vực quốc gia	197. Institut för tillväxtpolitiska studier
198. Viện Vật lý vũ trụ Thụy Điển	199. Institutet för rymdfysik
200. Văn phòng Chương trình Quốc tế về Giáo dục và Đào tạo	201. Internationella programkontoret för utbildningsområdet
202. Cơ quan di trú Thụy Điển	203. Migrationsverket
Cơ quan điều phối chính sách cho người khuyết tật Thụy Điển	Myndigheten för handikappolitisk samordning
204. Cơ quan hợp tác và mạng lưới giáo dục bậc cao Thụy Điển	205. Myndigheten för nätverk och samarbete inom högre utbildning
Ban Nông nghiệp Thụy Điển	Jordbruksverk, statens

206. Văn phòng Thẩm phán Tòa án tối cao	207. Justitiekanslern
208. Văn phòng Thanh tra Cơ hội bình đẳng	209. Jämställdhetsombudsmannen
210. Ban Tư pháp quốc gia về Quỹ đất công cộng	211. Kammarkollegiet
212. Tòa án Phúc thẩm hành chính (4)	213. Kammarrätterna (4)
214. Thanh tra hóa chất quốc gia	215. Kemikalieinspektionen
216. Ủy ban thương mại quốc gia	217. Kommerskollegium
218. Cơ quan phụ trách về hệ thống sáng tạo Thụy Điển	219. Verket för innovationssystem (VINNOVA)
220. Viện nghiên cứu kinh tế quốc gia	221. Konjunkturinstitutet
222. Cơ quan quản lý cạnh tranh Thụy Điển	223. Konkurrensverket
224. Cao đẳng nghệ thuật, Thủ công và Thiết kế	225. Konstfack
226. Cao đẳng Mỹ thuật	227. Konsthögskolan
228. Bảo tàng Mỹ thuật quốc gia	229. Nationalmuseum
230. Ủy ban tài trợ nghệ thuật	231. Konstnärsnämnden
232. Hội đồng nghệ thuật quốc gia	233. Konstråd, statens
234. Hội đồng quốc gia về chính sách người tiêu dùng	235. Konsumentverket
236. Phòng thí nghiệm quốc gia về khoa học pháp y	237. Kriminaltekniska laboratorium, statens

238. Nhà tù và quản chế

239. Kriminalvården

240. Hội đồng tuyển dụng quốc gia

241. Kriminalvårdsnämnden

242. Cơ quan thực thi Thụy Điển

243. Kronofogdemyndigheten

244. Hội đồng Văn hóa Quốc gia

245. Kulturråd, statens

246. Lực lượng Bảo vệ bờ biển Thụy Điển

247. Kustbevakningen

248. Cơ quan Khảo sát đất đai quốc gia

249. Lantmäteriverket

250. Kho vũ khí hoàng gia

251. Livrustkammaren/Skoklosters slott/Hallwylska museet

252. Cơ quan quản lý thực phẩm quốc gia

253. Livsmedelsverk, statens

254. Hội đồng quản lý cá cược quốc gia

255. Lotteriinspektionen

256. Cơ quan quản lý sản phẩm y tế

257. Läkemedelsverket

258. Tòa án hành chính quận (24)

259. Länsrätterna (24)

260. Hội đồng hành chính quận (24)

261. Länsstyrelserna (24)

262. Hội đồng công chức và tiền lương quốc gia

263. Pensionsverk, statens

264. Tòa án Thị trường

265. Marknadsdomstolen

266. Viện Khí tượng và Thủy văn Thụy Điển

267. Meteorologiska och hydrologiska institut, Sveriges

268. Bảo tàng hiện đại

269. Moderna museet

270. Bộ sưu tập nhạc quốc gia Thụy Điển	271. Musiksamlingar, statens
272. Bảo tàng Lịch sử tự nhiên	273. Naturhistoriska riksmuseet
274. Cơ quan bảo vệ môi trường quốc gia	275. Naturvårdsverket
276. Viện Nghiên cứu châu Phi Scandinavian	277. Nordiska Afrikainstitutet
278. Trường y tế công cộng Bắc Âu	279. Nordiska högskolan för folkhälsovetenskap
280. Ủy ban ghi âm	281. Notarienämnden
282. Hội đồng quốc gia về nhận con nuôi trong nước Thụy Điển	283. Myndigheten för internationella adoptionsfrågor
284. Cơ quan tăng trưởng kinh tế và khu vực Thụy Điển	285. Verket för näringslivsutveckling (NUTEK)
286. Văn phòng thanh tra phân biệt đối xử dân tộc	287. Ombudsmannen mot etnisk diskriminering
288. Tòa phúc thẩm sáng chế	289. Patentbesvärsrätten
290. Văn phòng đăng ký và sáng chế	291. Patent- och registreringsverket
292. Hội đồng đăng ký địa chỉ dân số Thụy Điển	293. Personadressregisternämnd statens, SPAR-nämnden
294. Ban thư ký nghiên cứu cực Thụy Điển	295. Polarforskningssekretariatet
296. Hội đồng Trợ cấp báo chí	297. Presstödsnämnden
298. Hội đồng Quỹ xã hội Châu Âu tại Thụy Điển	299. Rådet för Europeiska socialfonden i Sverige

300. Cơ quan phát thanh và truyền hình Thụy Điển

301. Radio- och TV-verket

302. Văn phòng Chính phủ

303. Regeringskansliet

304. Tòa án hành chính tối cao

305. Regeringsrätten

306. Hội đồng quản trị cổ vật quốc gia

307. Riksantikvarieämbetet

308. Lưu trữ quốc gia

309. Riksarkivet

310. Ngân hàng Thụy Điển

311. Riksbanken

312. Văn phòng hành chính quốc hội

313. Riksdagsförvaltningen

314. Thanh tra Quốc hội

315. Riksdagens ombudsmän, JO

316. Kiểm toán Quốc hội

317. Riksdagens revisorer

318. Văn phòng nợ quốc gia

319. Riksgäldskontoret

320. Ban cảnh sát quốc gia

321. Rikspolisstyrelsen

322. Cơ quan Kiểm toán quốc gia

323. Riksrevisionen

324. Dịch vụ triển lãm du lịch

325. Riksutställningar, Stiftelsen

326. Hội đồng không gian quốc gia

327. Rymdstyrelsen

328. Hội đồng nghiên cứu đời sống lao động và xã hội

329. Forskningsrådet för arbetsliv och socialvetenskap

330. Ban dịch vụ cứu hộ quốc gia

331. Räddningsverk, statens

332. Cơ quan trợ giúp pháp lý khu vực

333. Rättshjälpsmyndigheten

334.Ban y tế quốc gia

335. Rättsmedicinalverket

336. Hội đồng trường học cho cộng đồng Sami (Lapp)

337. Sameskolstyrelsen och sameskolor

338. Trường học cho cộng đồng Sami (Lapp)

339. Cơ quan Hàng hải quốc gia

340. Sjöfartsverket

341. Bảo tàng Hàng hải quốc gia

342. Maritima museer, statens

343. Ủy ban về an ninh và bảo vệ toàn vẹn Thụy Điển

344. Säkerhets- och intregritetsskyddsnämnden

345. Cơ quan thuế Thụy Điển

346. Skatteverket

347. Ủy ban Lâm nghiệp quốc gia

348. Skogsstyrelsen

349. Cơ quan Giáo dục quốc gia

350. Skolverk, statens

351. Viện kiểm soát bệnh truyền nhiễm Thụy Điển

352. Smittskyddsinstitutet

353. Hội đồng Y tế và phúc lợi quốc gia

354. Socialstyrelsen

355. Thanh tra quốc gia về chất nổ và chất dễ cháy

356. Sprängämnesinspektionen

357. Thống kê Thụy Điển

358. Statistiska centralbyrån

359. Cơ quan Phát triển hành chính

360. Statskontoret

361. Cơ quan An toàn bức xạ Thụy Điển

362. Strålsäkerhetsmyndigheten

363. Cơ quan Hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển

364. Styrelsen för internationellt utvecklings- samarbete, SIDA

365. Hội đồng quốc gia về tâm lý quốc phòng và đánh giá sự phù hợp

366. Styrelsen för psykologiskt försvar

367. Ban Kiểm định Thụy Điển

368. Styrelsen för ackreditering och teknisk kontroll

369. Viện Thụy Điển

370. Svenska Institutet, stiftelsen

371. Thư viện sách nói và ấn phẩm chữ nổi

372. Talboks- och punktskriftsbiblioteket

373. Tòa án quận và thành phố (97)

374. Tingsrätterna (97)

375. Ủy ban đề xuất đề cử thẩm phán

376. Tjänsteförslagsnämnden för domstolsväsendet

377. Ban Tuyển quân

378. Totalförsvarets pliktverk

379. Cơ quan Nghiên cứu quốc phòng Thụy Điển

380. Totalförsvarets forskningsinstitut

381. Ban Hải quan Thụy Điển

382. Tullverket

383. Cơ quan Du lịch Thụy Điển

384. Turistdelegationen

385. Hội đồng Thanh niên quốc gia

386. Ungdomsstyrelsen

387. Các trường đại học và cao đẳng đại học

388. Universitet och högskolor

389. Ban phúc thẩm người ngoại quốc

390. Utlänningsnämnden

391. Viện Kiểm nghiệm và chứng nhận giống quốc gia

392. Utsädeskontroll, statens

393. Cơ quan Quản lý đường bộ quốc gia Thụy Điển

394. Vägverket

Tòa án Cấp thoát nước Quốc gia

Vatten- och avloppsnämnd, statens

395. Cơ quan quốc gia về giáo dục đại học

396. Verket för högskoleservice (VHS)

397. Cơ quan Phát triển kinh tế và khu vực Thụy Điển

398. Verket för näringslivsutveckling (NUTEK)

399. Hội đồng Nghiên cứu Thụy Điển

400. Vetenskapsrådet'

401. Viện Thú y quốc gia

402. Veterinärmedicinska anstalt, statens

403. Viện Nghiên cứu đường bộ và giao thông quốc gia Thụy Điển

404. Väg- och transportforskningsinstitut, statens

405. Ban Giống cây trồng quốc gia

406. Växtsortnämnd, statens

407. Cơ quan Truy tố Thụy Điển

408. Åklagarmyndigheten

409. Cơ quan Quản lý khẩn cấp Thụy Điển

410. Krisberedskapsmyndigheten

VƯƠNG QUỐC ANH

Cabinet Office (Văn phòng Nội các)

Office of the Parliamentary Counsel (Văn phòng Luật sư nghị viện)

Central Office of Information (Văn phòng Thông tin trung ương)

Charity Commission (Ủy ban Từ thiện)

Crown Estate Commissioners (Vote Expenditure Only) (Ủy viên Hội đồng di sản hoàng gia)

Crown Prosecution Service (Cơ quan truy tố Hoàng gia)

Department for Business, Enterprise and Regulatory Reform (Sở Kinh doanh, Doanh nghiệp và Cải cách)

Competition Commission (Ủy ban Cạnh tranh)

Gas and Electricity Consumers' Council (Hội đồng Người tiêu dùng điện và khí đốt)

Office of Manpower Economics (Văn phòng Kinh tế nhân lực)

Department for Children, Schools and Families (Sở Trẻ em, trường học và gia đình)

Department of Communities and Local Government (Sở Cộng đồng và chính quyền địa phương)

Rent Assessment Panels (Hội đồng đánh giá cho thuê)

Department for Culture, Media and Sport (Sở Văn hóa, Truyền thông và Thể thao)

British Library (Thư viện Anh)

British Museum (Bảo tàng Anh)

Commission for Architecture and the Built Environment (Ủy ban Kiến trúc và môi trường xây dựng)

The Gambling Commission (Ủy ban về đánh bạc)

Historic Buildings and Monuments Commission for England (English Heritage) (Tòa nhà lịch sử và Ủy ban di tích Anh (Di sản Anh))

Imperial War Museum (Bảo tàng Chiến tranh hoàng gia)

Museums, Libraries and Archives Council (Hội đồng Bảo tàng, Thư viện và Lưu trữ)

National Gallery (Phòng trưng bày quốc gia)

National Maritime Museum (Bảo tàng Hàng hải quốc gia)

National Portrait Gallery (Phòng trưng bày chân dung quốc gia)

Natural History Museum (Bảo tàng lịch sử tự nhiên)

Science Museum (Bảo tàng Khoa học)

Tate Gallery (Phòng trưng bày Tate)

Victoria and Albert Museum (Bảo tàng Victoria và Albert)

Wallace Collection (Bộ sưu tập Wallace)

Department for Environment, Food and Rural Affairs (Sở Môi trường, Thực phẩm và Nông thôn)

Agricultural Dwelling House Advisory Committees (Ủy ban tư vấn nhà ở nông nghiệp)

Agricultural Land Tribunals (Tòa án đất nông nghiệp)

Agricultural Wages Board and Committees (Hội đồng và Ủy ban tiền lương nông nghiệp)

Cattle Breeding Centre (Trung tâm gây giống gia súc)

Countryside Agency (Cơ quan Nông thôn)

Plant Variety Rights Office (Văn phòng Quyền đa dạng thực vật)

Royal Botanic Gardens, Kew (Vườn Thực vật hoàng gia, Kew)

Royal Commission on Environmental Pollution (Ủy ban Hoàng gia về ô nhiễm môi trường)

Department of Health (Sở Y tế)

Dental Practice Board (Ban Thực hành nha khoa)

National Health Service Strategic Health Authorities (Cơ quan quản lý sức khỏe chiến lược y tế quốc gia)

NHS Trusts (Qũy tín thác NHS)

Prescription Pricing Authority (Cơ quan Định giá kê đơn)

Department for Innovation, Universities and Skills (Sở Đổi mới, Đại học và Kỹ năng)

Higher Education Funding Council for England (Hội đồng tài trợ giáo dục đại học cho Anh)

National Weights and Measures Laboratory (Phòng thí nghiệm Đo lường và trọng lượng quốc gia)

Patent Office (Văn phòng Sáng chế)

Department for International Development (Sở Phát triển quốc tế)

Department of the Procurator General and Treasury Solicitor (Sở Kiểm sát chung và luật sư tài chính)

Legal Secretariat to the Law Officers (Văn phòng thư ký pháp lý cho các nhân viên pháp luật)

Department for Transport (Sở Giao thông)

Maritime and Coastguard Agency (Cơ quan Hàng hải và an toàn bờ biển)

Department for Work and Pensions (Sở Việc làm và lương hưu)

Disability Living Allowance Advisory Board (Ban cố vấn trợ cấp người tàn tật)

Independent Tribunal Service (Dịch vụ Tòa án độc lập)

Medical Boards and Examining Medical Officers (War Pensions) (Hội đồng Y tế và kiểm tra nhân viên y tế (Trợ cấp chiến tranh))

Occupational Pensions Regulatory Authority (Cơ quan quản lý Lương hưu nghề nghiệp)

Regional Medical Service (Dịch vụ y tế khu vực)

Social Security Advisory Committee (Ủy ban tư vấn an sinh xã hội)

Export Credits Guarantee Department (Cơ quan bảo lãnh tín dụng xuất khẩu)

Foreign and Commonwealth Office (Văn phòng nước ngoài và Khối thịnh vượng chung)

Wilton Park Conference Centre (Trung tâm hội nghị Wilton Park)

Government Actuary's Department (Cục Hành chính Chính phủ)

Government Communications Headquarters (Trụ sở truyền thông Chính phủ)

Home Office (Bộ Nội vụ)

HM Inspectorate of Constabulary (Thanh tra Công an Bộ Nội Vụ)

House of Commons (Hạ nghị viện)

House of Lords (Thượng nghị viện)

Ministry of Defence (Bộ Quốc phòng)

Defence Equipment & Support (Thiết bị và Hỗ trợ quốc phòng)

Meteorological Office (Văn phòng Khí tượng)

Ministry of Justice (Bộ Tư pháp)

Boundary Commission for England (Ủy ban Biên giới Anh)

Combined Tax Tribunal (Tòa án Thuế)

Council on Tribunals (Hội đồng Tòa án)

Court of Appeal - Criminal (Tòa phúc thẩm - Hình sự)

Employment Appeals Tribunal (Tòa phúc thẩm Việc làm)

Employment Tribunals (Tòa án Việc làm)

HMCS Regions, Crown, County and Combined Courts (England and Wales) (Tòa án khu vực HMCS, hoàng gia, quận và kết hợp (Anh và xứ Wales))

Immigration Appellate Authorities (Cơ quan thẩm định xuất nhập cảnh)

Immigration Adjudicators (Quan tòa Nhập cư)

Immigration Appeals Tribunal (Tòa án Phúc thẩm nhập cảnh)

Lands Tribunal (Tòa án Đất đai)

Law Commission (Ủy ban Pháp luật)

Legal Aid Fund (England and Wales) (Quỹ Trợ giúp pháp lý (Anh và xứ Wales))

Office of the Social Security Commissioners (Văn phòng ủy viên An sinh xã hội)

Parole Board and Local Review Committees (Ủy ban Tạm tha và Ban Xét duyệt địa phương)

Pensions Appeal Tribunals (Tòa án Phúc thẩm về trợ cấp)

Public Trust Office (Văn phòng Ủy thác công)

Supreme Court Group (England and Wales) (Nhóm Tòa án tối cao (Anh và xứ Wales))

Transport Tribunal (Tòa án Vận tải)

The National Archives (Lưu trữ Quốc gia)

National Audit Office (Văn phòng Kiểm toán quốc gia)

National Savings and Investments (Tiết kiệm và Đầu tư quốc gia)

National School of Government (Trường quốc gia của chính phủ)

Northern Ireland Assembly Commission (Ủy ban Hội đồng Bắc Ai-len)

Northern Ireland Court Service (Tòa án Bắc Ai-len)

Coroners Courts (Tòa án Những vụ chết bất thường)

County Courts (Tòa án tỉnh)

Court of Appeal and High Court of Justice in Northern Ireland (Tòa phúc thẩm và Tòa án Tư pháp tối cao Bắc Ai-len)

Crown Court (Tòa án Hoàng gia)

Enforcement of Judgements Office (Văn phòng Thi hành phán quyết)

Legal Aid Fund (Quỹ Trợ giúp pháp lý)

Magistrates' Courts (Tòa sơ thẩm)

Pensions Appeals Tribunals (Tòa phúc thẩm về trợ cấp)

Northern Ireland, Department for Employment and Learning (Bắc Ai-len, Bộ Việc làm và học tập)

Northern Ireland, Department for Regional Development (Bắc Ai-len, Bộ Phát triển khu vực)

Northern Ireland, Department for Social Development (Bắc Ai-len, Bộ Phát triển xã hội)

Northern Ireland, Department of Agriculture and Rural Development (Bắc Ai-len, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Northern Ireland, Department of Culture, Arts and Leisure (Bắc Ai-len, Bộ Văn hóa, Nghệ thuật và Giải trí)

Northern Ireland, Department of Education (Bắc Ai-len, Bộ Giáo dục)

Northern Ireland, Department of Enterprise, Trade and Investment (Bắc Ai-len, Bộ Doanh nghiệp, Thương mại và Đầu tư)

Northern Ireland, Department of the Environment (Bắc Ai-len, Bộ Môi trường)

Northern Ireland, Department of Finance and Personnel (Bắc Ai-len, Bộ Tài chính và Nhân sự)

Northern Ireland, Department of Health, Social Services and Public Safety (Bắc Ai-len, Bộ Y tế, Dịch vụ xã hội và An toàn công cộng)

Northern Ireland, Office of the First Minister and Deputy First Minister (Bắc Ai-len, Văn phòng Bộ trưởng thứ nhất và Thứ trưởng thứ nhất)

Northern Ireland Office (Văn phòng Bắc Ai-len)

Crown Solicitor's Office (Văn phòng Luật sư hoàng gia)

Department of the Director of Public Prosecutions for Northern Ireland (Bộ Truy tố công Bắc Ai-len)

Forensic Science Laboratory of Northern Ireland (Phòng thí nghiệm Khoa học pháp y Bắc Ireland)

Office of the Chief Electoral Officer for Northern Ireland (Văn phòng Tổng giám đốc bầu cử cho Bắc Ai-len)

Police Service of Northern Ireland (Cảnh sát Bắc Ai-len)

Probation Board for Northern Ireland (Ban quản chế Bắc Ai-len)

State Pathologist Service (Nghiên cứu Bệnh học quốc gia)

Office of Fair Trading (Văn phòng Giao dịch công bằng)

Office for National Statistics (Văn phòng Thống kê quốc gia)

National Health Service Central Register (Trung tâm Đăng ký dịch vụ y tế quốc gia)

Office of the Parliamentary Commissioner for Administration and Health Service Commissioners (Văn phòng Ủy viên quốc hội cho Ủy viên quản trị và Ủy viên dịch vụ y tế)

Paymaster General's Office (Văn phòng Bộ trưởng Kho bạc nhà nước)

Postal Business of the Post Office (Dịch vụ bưu chính của bưu điện)

Privy Council Office (Văn phòng Hội đồng cơ mật)

Public Record Office (Cục Lưu trữ công cộng)

HM Revenue and Customs (Cục Thuế và hải quan hoàng gia)

The Revenue and Customs Prosecutions Office (Văn phòng Truy tố thuế và hải quan)

Royal Hospital, Chelsea (Bệnh viện Hoàng gia, Chelsea)

Royal Mint (Đúc tiền Hoàng gia)

Rural Payments Agency (Cơ quan Thanh toán nông thôn)

Scotland, Auditor-General (Xcốt-len, Tổng kiểm toán)

Scotland, Crown Office and Procurator Fiscal Service (Xcốt-len, Văn phòng và Viện kiểm sát tài chính hoàng gia)

Scotland, General Register Office (Xcốt-len, Tổng cục Đăng ký)

Scotland, Queen's and Lord Treasurer's Remembrancer (Xcốt-len, Chưởng quỹ của Nữ hoàng và Thượng nghị viện)

Scotland, Registers of Scotland (Văn phòng Đăng ký Xcốt-len)

The Scotland Office (Văn phòng Xcốt-len)

The Scottish Ministers (Bộ trưởng Xcốt-len)

Architecture and Design Scotland (Kiến trúc và thiết kế Xcốt-len)

Crofters Commission (Ủy ban Chủ trại nhỏ)

Deer Commission for Scotland (Ủy ban nhỏ của Xcốt-len)

Lands Tribunal for Scotland (Tòa án Đất đai Xcốt-len)

National Galleries of Scotland (Phòng trưng bày quốc gia Scotland)

National Library of Scotland (Thư viện quốc gia Xcốt-len)

National Museums of Scotland (Viện bảo tàng quốc gia Xcốt-len)

Royal Botanic Garden, Edinburgh (Vườn thực vật hoàng gia, Edinburgh)

Royal Commission on the Ancient and Historical Monuments of Scotland (Ủy ban hoàng gia về Di tích lịch sử cổ đại Xcốt-len)

Scottish Further and Higher Education Funding Council (Hội đồng Tài trợ giáo dục bậc cao Xcốt-len)

Scottish Law Commission (Ủy ban Luật Xcốt-len)

Community Health Partnerships (Quan hệ đối tác Y tế cộng đồng)

Special Health Boards (Hội đồng Y tế đặc biệt)

Health Boards (Hội đồng Y tế)

The Office of the Accountant of Court (Văn phòng Kế toán tòa án)

High Court of Justiciary (Tòa án Tư pháp tối cao)

Court of Session (Tòa án Tối cao)

HM Inspectorate of Constabulary (Thanh tra cảnh sát hoàng gia)

Parole Board for Scotland (Ban Ân xá Xcốt-len)

Pensions Appeal Tribunals (Tòa án Phúc thẩm về phụ cấp)

Scottish Land Court (Tòa án Đất đai Xcốt-len)

Sheriff Courts (Tòa án Cảnh sát trưởng)

Scottish Police Services Authority (Cơ quan Cảnh sát Xcốt-len)

Office of the Social Security Commissioners (Văn phòng Ủy viên An sinh xã hội)

The Private Rented Housing Panel and Private Rented Housing Committees (Ủy ban và Hội đồng Nhà ở tư nhân cho thuê)

Keeper of the Records of Scotland (Cơ quan Lưu trữ hồ sơ Xcốt-len)

The Scottish Parliamentary Body Corporate (Cơ quan Nghị viện Xcốt-len)

HM Treasury (Kho bạc hoàng gia)

Office of Government Commerce (Văn phòng Thương mại chính phủ)

United Kingdom Debt Management Office (Văn phòng Quản lý nợ Vương quốc Anh)

The Wales Office (Office of the Secretary of State for Wales) (Văn phòng xứ Wales (Văn phòng Bộ trưởng Ngoại giao xứ Wales))

The Welsh Ministers (Bộ trưởng Welsh)

Higher Education Funding Council for Wales (Hội đồng Tài trợ giáo dục bậc cao xứ Wales)

Local Government Boundary Commission for Wales (Ủy ban Biên giới của chính quyền địa phương xứ Wales)

The Royal Commission on the Ancient and Historical Monuments of Wales (Ủy ban hoàng gia về di tích lịch sử cổ đại xứ Wales)

Valuation Tribunals (Wales) (Tòa án Định giá (Wales))

Welsh National Health Service Trusts and Local Health Boards (Hội đồng Y tế địa phương và dịch vụ ủy thác y tế xứ Wales)

Welsh Rent Assessment Panels (Hội đồng Đánh giá cho thuê xứ Wales)

Ghi chú đối với Mục A (Cơ quan cấp trung ương):

1. Tất cả đơn vị trực thuộc cơ quan cấp trung ương được liệt kê ở trên của các quốc gia thành viên Liên minh đều thuộc phạm vi điều chỉnh với điều kiện là những đơn vị đó không có tư cách pháp lý độc lập.

2. Đối với gói thầu của cơ quan mua sắm trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh liên quan, chỉ các vật liệu không nhạy cảm và không có tính chiến tranh được liệt kê tại Mục D (Hàng hóa) thuộc phạm vi điều chỉnh.

3. Danh sách cơ quan cấp trung ương của các quốc gia thành viên Liên minh sẽ được cập nhật sau khi có sự điều chỉnh Biểu cam kết GPA sửa đổi của Liên minh.

(Xem tiếp Công báo số 811 + 812)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng